

Bản tin

# THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 20/4/2023



# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

## ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,  
Bộ Công Thương  
Tel: 024.22205440;  
Email:  
binhtth@moit.gov.vn;  
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin  
Công nghiệp và Thương mại,  
Bộ Công Thương  
Tel: 024.22192875;

Email:  
tuoanhbta@gmail.com;  
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ  
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:  
55/GP-XBBT ngày 26/8/2022

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CAO SU	5
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	11
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	16
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	21
THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN	25
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	29
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	32
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	36



# TÌNH HÌNH CHUNG

---

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ◆ Cao su: Tồn kho tại Thái Lan ở mức thấp, kinh tế Trung Quốc phục hồi, giá cao su giữa tháng 4/2023 tăng. Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên thế giới (ANRPC), sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu tháng 3/2023 giảm 26,1% so với tháng 02/2023, trong khi nhu cầu ước tính tăng 7,9%.
- ◆ Cà phê: Những ngày giữa tháng 4/2023, giá cà phê Robusta và Arabica tiếp tục tăng mạnh.
- ◆ Hạt điều: 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều của Bra-xin tăng trưởng 2 con số so với cùng kỳ năm ngoái. 2 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, nhưng tăng từ các thị trường Bồ Biển Ngà, Bra-xin.
- ◆ Rau quả: Ác-hen-ti-na dự báo sản lượng cam quýt giảm đáng kể vào năm 2023 do ảnh hưởng bởi thời tiết.
- ◆ Sắn và sản phẩm từ sắn: Giữa tháng 4/2023, giá sắn nguyên liệu tại Thái Lan tăng, giá tinh bột sắn và sắn lát xuất khẩu ổn định.
- ◆ Thủy sản: Rabobank dự báo giá tôm thế giới có thể phục hồi vào nửa cuối năm 2023 nếu nhu cầu từ Trung Quốc trở về mức trước đại dịch. Ả Rập Xê Út đã đình chỉ nhập khẩu tôm từ Ấn Độ.
- ◆ Gỗ và sản phẩm gỗ: Sản xuất đồ nội thất ở Ba Lan đã tăng gần gấp đôi trong 10 năm qua. Sự tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi xuất khẩu. Hoa Kỳ là một trong 10 điểm đến hàng đầu cho đồ nội thất xuất khẩu của Ba Lan. Đức là quốc gia đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực đồ nội thất trên thế giới, đứng thứ 4 về sản xuất đồ nội thất, thứ 5 về xuất khẩu, thứ 2 về nhập khẩu và thứ 3 về tiêu dùng.



---

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- ◆ **Cao su:** Giá mủ cao su trong nước tiếp tục duy trì quanh mức 225-288 đồng/TSC. 3 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hà Lan đạt 3,03 nghìn tấn, trị giá 4,38 triệu USD, tăng 31,2% về lượng và tăng 11,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 4 cho Hà Lan, thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hà Lan tăng.
- ◆ **Cà phê:** Những ngày giữa tháng 4/2023, giá cà phê Robusta tăng từ 1.100 – 1.300 đồng/kg (tùy từng khu vực khảo sát). Tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê sang thị trường Hoa Kỳ tăng trưởng ở mức cao. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 9,60% trong 2 tháng đầu năm 2022 lên 15,79% trong 2 tháng đầu năm 2023.
- ◆ **Hạt điều:** Tháng 3 và quý I/2023, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 68,73% trong 2 tháng đầu năm 2022 xuống còn 50,84% trong 2 tháng đầu năm 2023.
- ◆ **Rau quả:** 3 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hàng rau quả đạt 982 triệu USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần quả xoài của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng.
- ◆ **Sắn và sản phẩm từ sắn:** Trong 10 ngày giữa tháng 4/2023, giá sắn tươi tại các tỉnh khu vực miền Trung, Tây nguyên ổn định so với 10 ngày trước đó. 3 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam tăng 0,4% về lượng, nhưng giảm 12,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của thị trường Đài Loan giảm.
- ◆ **Thủy sản:** Tháng 3/2023, xuất khẩu cá tra, basa, mực các loại, ốc, bạch tuộc sang thị trường Úc có dấu hiệu phục hồi. 2 tháng đầu năm 2023, thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm.
- ◆ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Quý I/2023, xuất khẩu ghế khung gỗ đạt 593,3 triệu USD, giảm 36,1% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tăng trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ.





# THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ *Tồn kho tại Thái Lan ở mức thấp, kinh tế Trung Quốc phục hồi, giá cao su giữa tháng 4/2023 tăng.*
- ▶ *Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên thế giới (ANRPC), sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu tháng 3/2023 giảm 26,1% so với tháng 02/2023, trong khi nhu cầu ước tính tăng 7,9%.*
- ▶ *Giá mủ cao su trong nước tiếp tục duy trì quanh mức 225-288 đồng/TSC.*
- ▶ *3 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hà Lan đạt 3,03 nghìn tấn, trị giá 4,38 triệu USD, tăng 31,2% về lượng và tăng 11,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.*
- ▶ *Năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 4 cho Hà Lan, thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hà Lan tăng.*

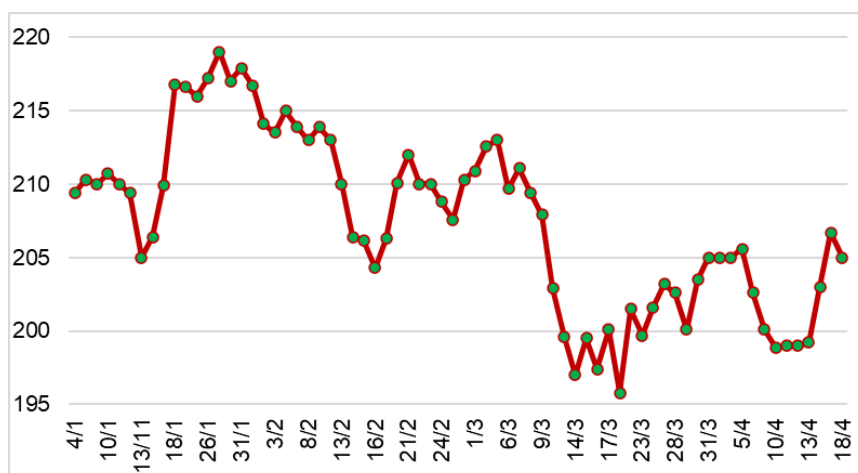
## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong 10 ngày giữa tháng 4/2023, giá cao su tại thị trường châu Á tăng do được hỗ trợ bởi lượng hàng tồn kho thắt chặt hơn trong đợt nghỉ Tết của Thái Lan và các nhà đầu tư hy vọng kinh tế Trung Quốc phục hồi. Cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE), giá biến động mạnh, sau khi tăng lên mức cao nhất từ đầu tháng vào ngày 17/4/2023 (206,7 Yên/kg), giá giảm nhẹ trở lại, nhưng vẫn tăng so với 10 ngày trước đó. Chốt phiên giao dịch ngày 18/4/2023, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 205 Yên/kg (tương đương 1,53 USD/kg), tăng 3,1% so với 10 ngày trước đó, nhưng vẫn giảm 21,9% so với cùng kỳ năm 2022.



### Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn OSE từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: Yên/kg)



Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại sàn SHFE Thượng Hải, giá cao su cũng có xu hướng tăng trở lại. Ngày 18/4/2023, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 11.765

NDT/tấn (tương đương 1,71 USD/tấn), tăng 3% so với 10 ngày trước đó, nhưng vẫn giảm 11,4% so với cùng kỳ năm 2022.

### Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn SHFE từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: NDT/tấn)

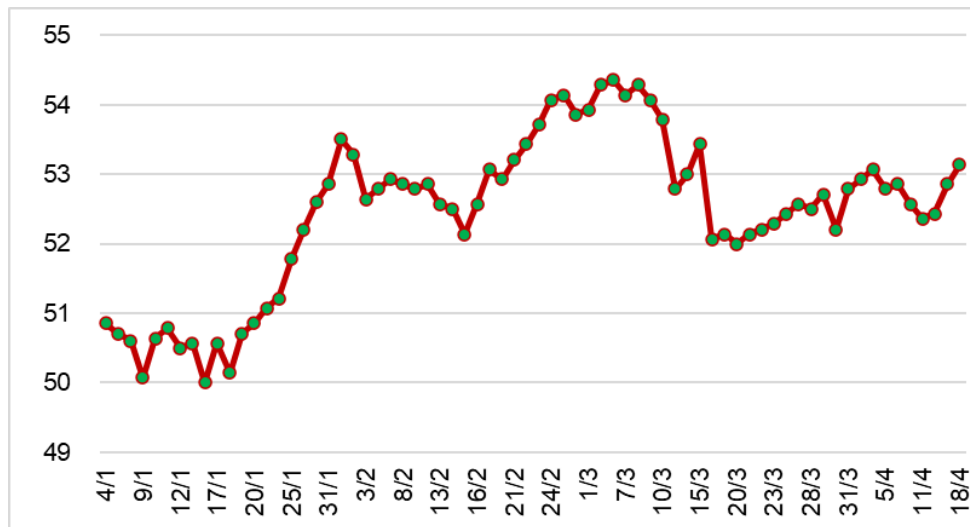


Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá mủ cao su tăng trở lại sau kỳ nghỉ lễ Songkran (từ ngày 13-15/4/2023). Ngày 18/4/2023 giá cao su RSS3 chào bán ở

mức 53,14 Baht/kg (tương đương 1,55 USD/kg), tăng 1,1% so với 10 ngày trước đó, nhưng vẫn giảm 26,9% so với cùng kỳ năm 2022.

### Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Trước những diễn biến gần đây và báo cáo triển vọng mới nhất của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) đã cập nhật triển vọng thị trường cao su tự nhiên toàn cầu trong năm nay. Theo đó, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu được dự báo tăng 2,7% so với năm 2022 (cao hơn 0,1% so với báo cáo trước đó), đạt 14,916 triệu tấn; trong khi nhu cầu cao su tự nhiên toàn cầu giảm 0,4%, xuống còn 14,912 triệu tấn. Trong tháng

3/2023, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu đã giảm 26,1% so với tháng 02/2023, xuống còn 967 nghìn tấn; trong khi nhu cầu cao su tự nhiên toàn cầu ước tính tăng 7,9% so với tháng 02/2023, lên 1,306 triệu tấn.

- **Ma-lai-xi-a:** Tháng 02/2023, sản lượng cao su tự nhiên của Ma-lai-xi-a đạt 27,21 nghìn tấn, giảm 7,6% so với tháng 01/2023 và giảm 5,6% so với tháng 02/2022. Trong đó, 83,7% sản lượng cao su tự nhiên

trong tháng 02/2023 được đóng góp bởi các hộ sản xuất nhỏ. Luỹ kế 2 tháng đầu năm 2023, sản lượng cao su tự nhiên của Ma-lai-xi-a đạt 56,66 nghìn tấn, giảm 27,3% so với cùng kỳ năm 2022.

+ Xuất khẩu cao su của Ma-lai-xi-a trong tháng 02/2023 đạt 48,39 nghìn tấn, tăng 18,4% so với tháng 01/2023 và tăng 2,1% so với tháng 02/2022. Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Ma-lai-xi-a, chiếm 56,9% tổng lượng cao su xuất khẩu của Ma-lai-xi-a; tiếp đến là Đức chiếm 7,3%; Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 3,6%; Hoa Kỳ chiếm 2,1% và Ai Cập chiếm 1,5% tổng lượng cao su xuất khẩu của Ma-lai-xi-a trong tháng 02/2023. Luỹ kế 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cao su của Ma-lai-xi-a đạt 89,26 nghìn tấn, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2022.

+ Trong tháng 02/2023, Ma-lai-xi-a nhập khẩu 92,86 nghìn tấn cao su tự nhiên, giảm 15% so với tháng 01/2023 và giảm 17,6% so với tháng 02/2022. Luỹ kế 2 tháng đầu năm 2023, Ma-lai-xi-a nhập khẩu 202,11 nghìn tấn cao su tự nhiên, giảm 20% so với cùng kỳ năm 2022.

+ Tiêu thụ cao su tự nhiên nội địa của Ma-lai-xi-a trong tháng 02/2023 đạt 28,27 nghìn tấn, tăng 1,7% so với tháng 01/2023, nhưng giảm 29,5% so với tháng 02/2022. Luỹ kế 2 tháng đầu năm 2023, tiêu thụ cao su tự nhiên nội địa của Ma-lai-xi-a đạt 56,06 triệu tấn, giảm 32,8% so với cùng kỳ năm 2022.

+ Tổng lượng cao su tự nhiên dự trữ tại Ma-lai-xi-a tính đến cuối tháng 02/2023 đạt 191,63 nghìn tấn, giảm 1,5% so với tháng 01/2023 và giảm 41% so với cùng kỳ năm 2022.

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong 10 ngày giữa tháng 4/2023, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước vẫn giữ ổn định so với 10 ngày trước đó, tiếp tục duy trì quanh mức 225-288 đồng/TSC. Tại Bình Phước, giá mủ cao su nguyên liệu được Công ty cao su Phú Riềng thu mua ở mức 270-280 đồng/TSC. Trong khi đó,

tại Bình Dương, giá thu mua mủ cao su nguyên liệu của Công ty cao su Phước Hòa được giữ ở mức 286-288 đồng/TSC. Tại Gia Lai, giá mủ cao su nguyên liệu được Công ty cao su Mang Yang thu mua với giá 225-230 đồng/TSC.



## XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM SANG HÀ LAN TĂNG TRONG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, 3 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hà Lan đạt 3,03 nghìn tấn, trị giá 4,38 triệu USD, tăng 31,2% về lượng và tăng 11,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; giá xuất khẩu bình quân cao su sang thị trường này đạt 1.447 USD/tấn, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm 2022.

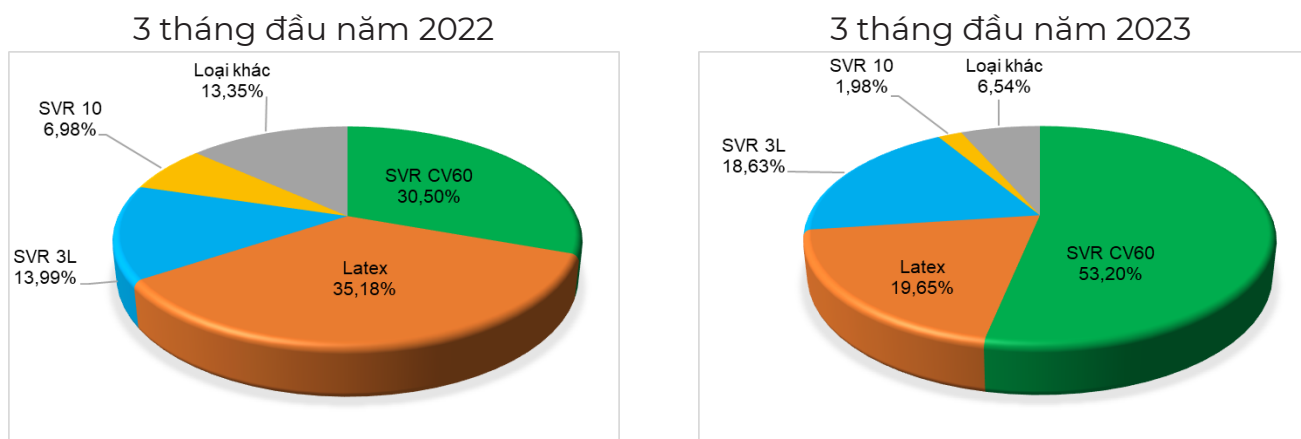
Trong 3 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu sang Hà Lan chủ yếu là cao su tự nhiên. Trong đó, chủng loại SVR CV60 được xuất khẩu sang Hà Lan nhiều nhất, chiếm 53,2% tổng lượng cao su xuất khẩu sang Hà Lan trong 3 tháng đầu năm 2023. Tiếp theo, chủng loại Latex chiếm 19,65% và SVR 3L chiếm 18,63% tổng lượng cao su

xuất khẩu sang Hà Lan trong 3 tháng đầu năm 2023.

Về giá xuất khẩu: Giá xuất khẩu bình quân các chủng loại cao su sang Hà Lan trong 3 tháng đầu năm 2023 hầu hết đều giảm so với cùng kỳ năm 2022, trong đó giảm mạnh nhất là Latex giảm 22,7%; SVR 10 giảm 21,5%; SVR 3L giảm 20,1%; SVR CV60 giảm 18,3%...

Tại thị trường Hà Lan, cao su của Việt Nam phải cạnh tranh với cao su của Thái Lan và Bờ Biển Ngà. Do đó các doanh nghiệp cần dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường của Hà Lan để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này.

### Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam sang Hà Lan (% tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Sau giai đoạn ảnh hưởng của dịch Covid-19, ngành cao su Việt Nam đang gặp không ít khó khăn, thách thức từ thị trường thế giới và những vướng mắc do yếu tố nội tại về chính sách. Những điều này gây hạn chế năng lực cạnh tranh của ngành cao su cũng như các doanh nghiệp cao su Việt Nam. Sự cạnh tranh giữa các nước sản xuất và xuất khẩu cao su tự nhiên sẽ trở nên gay gắt hơn về giá thành, chất lượng sản phẩm, uy tín thương mại và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn về bền vững ngày càng khắt khe. Theo đó, ngành cao su Việt Nam phải được thực hiện thống nhất về quản lý chất lượng trên phạm vi cả nước, tăng

cường áp dụng kỹ thuật tiên bộ, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo yêu cầu thị trường, mở rộng đầu tư chế biến sâu, từng bước hình thành ngành công nghiệp cao su phụ trợ; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh tổ chức lại ngành cao su theo chuỗi giá trị sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Mặt khác, xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam còn lệ thuộc nhiều vào thị trường tiêu thụ của Trung Quốc và chỉ đáp ứng một phần nhu cầu của các thị trường khác, do vậy gặp nhiều khó khăn trong việc thâm nhập thị trường lớn khác như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU...



## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA HÀ LAN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), năm 2022, Hà Lan nhập khẩu 319,54 nghìn tấn cao su (HS: 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 762,11 triệu USD, tăng 12,1% về lượng và tăng 20,7% về trị giá so với năm 2021. Trong đó, Bỉ, Đức, Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Hà Lan. Trừ Bỉ và Đức, nhập khẩu cao su của Hà Lan từ các thị trường này đều tăng cả về lượng và trị giá so với năm 2021.

Trong năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 10 cho Hà Lan với 8,82 nghìn tấn, trị giá 16,13 triệu USD, tăng

53,7% về lượng và tăng 28,9% về trị giá so với năm 2021. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 2,76% trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hà Lan, cao hơn so với mức 2,02% của năm 2021.

Qua số liệu cho thấy, tại thị trường Hà Lan, thị phần cao su của Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng cao su nhập khẩu của Hà Lan. Trong khi đó, Hà Lan đã đẩy mạnh nhập khẩu cao su của Thái Lan, Trung Quốc nên thị phần cao su của hai thị trường này trong năm 2022 cũng cao hơn so với năm 2021.

### Thị trường cung cấp cao su cho Hà Lan năm 2022

Thị trường	Năm 2022		So với năm 2021 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2021	Năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>319.541</b>	<b>762.116</b>	<b>12,1</b>	<b>20,7</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
Bỉ	69.658	134.628	-7,9	-2,5	26,54	21,80
Đức	61.734	114.272	-6,2	-8,9	23,10	19,32
Pháp	35.270	77.775	18,7	31,9	10,43	11,04
Trung Quốc	20.516	58.760	214,8	210,0	2,29	6,42
Nhật Bản	16.942	72.552	16,0	21,7	5,12	5,30
Đài Loan	15.672	50.428	57,0	118,8	3,50	4,90
Thái Lan	12.820	26.145	216,8	280,9	1,42	4,01
Hoa Kỳ	11.086	66.660	95,9	59,6	1,98	3,47
Bờ Biển Ngà	9.526	16.927	11,4	11,8	3,00	2,98
Việt Nam	8.827	16.134	53,7	28,9	2,02	2,76
Thị trường khác	57.490	127.835	-2,1	-2,5	20,60	18,00

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Về chủng loại nhập khẩu: Trong năm 2022, Hà Lan chủ yếu nhập khẩu cao su tự nhiên và cao su tổng hợp, nhập khẩu cao su tổng hợp chiếm 68,95% tổng lượng cao su nhập khẩu của Hà Lan. Trong đó, lượng và trị giá nhập khẩu cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Hà Lan đều tăng so với năm 2021.

Trong năm 2022, Hà Lan nhập khẩu 73 nghìn tấn cao su tự nhiên (HS 4001), trị giá 134,05 triệu USD, tăng 33,2% về lượng và tăng 32,1% về trị giá so với năm 2021. Bỉ, Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Việt Nam và In-đô-nê-xi-a là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tự nhiên cho Hà Lan. Trừ Bỉ, lượng cao su tự nhiên nhập khẩu của

Hà Lan từ các thị trường này đều tăng so với năm 2021.

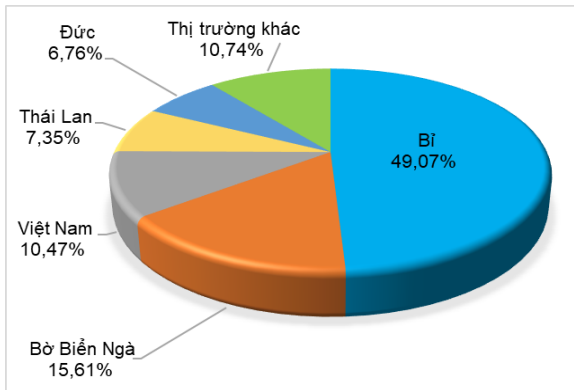
Trong năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 4 cho Hà Lan, với 8,8 nghìn tấn, trị giá 15,98 triệu USD, tăng 53,5% về lượng và tăng 29,3% về trị giá so với năm 2021. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hà Lan chiếm 12,06%, cao hơn so với mức 10,47% của năm 2021.

Đáng chú ý, năm 2022, Hà Lan cũng đẩy mạnh nhập khẩu cao su tự nhiên từ Thái Lan và In-đô-nê-xi-a, nên thị phần cao su tự nhiên của Thái Lan và In-đô-nê-xi-a tại Hà Lan đều tăng mạnh so với năm 2021.

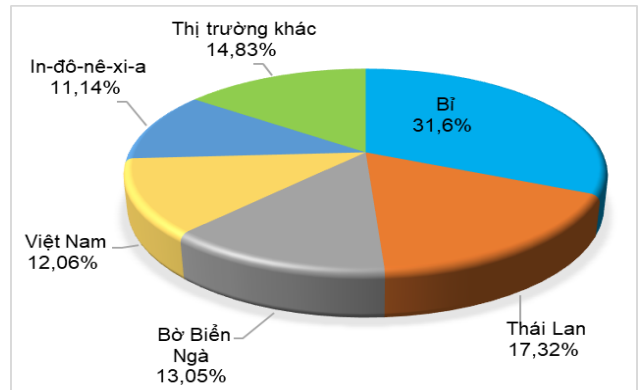


**Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Hà Lan**  
(ĐVT: % tính theo lượng)

**Năm 2021**



**Năm 2022**



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Trong năm 2022, Hà Lan nhập khẩu 220,31 nghìn tấn cao su tổng hợp (HS 4002), với trị giá 566,06 triệu USD, tăng 9,8% về lượng và tăng 27,8% về trị giá so với năm 2021. Đức, Bỉ, Pháp, Trung Quốc và Nhật Bản là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tổng hợp cho Hà Lan năm 2022. Trừ Đức, nhập khẩu cao su tổng hợp của Hà Lan từ các thị trường này đều tăng cả về

lượng và trị giá so với năm 2021.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tổng hợp cho Hà Lan trong năm 2022 có sự thay đổi khi thị phần cao su tổng hợp của Đức và Bỉ giảm; Trong khi thị phần của Nhật Bản, Trung Quốc và Pháp lại tăng. Cao su tổng hợp của Việt Nam chỉ chiếm một lượng nhỏ trong tổng nhập khẩu của Hà Lan.

# THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Những ngày giữa tháng 4/2023, giá cà phê Robusta và Arabica tiếp tục tăng mạnh.
- ▶ Trong nước, giá cà phê Robusta tăng từ 1.100 – 1.300 đồng/kg (tùy từng khu vực khảo sát).
- ▶ Tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê sang thị trường Hoa Kỳ tăng trưởng ở mức cao.
- ▶ Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 9,60% trong 2 tháng đầu năm 2022 lên 15,79% trong 2 tháng đầu năm 2023.

## THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

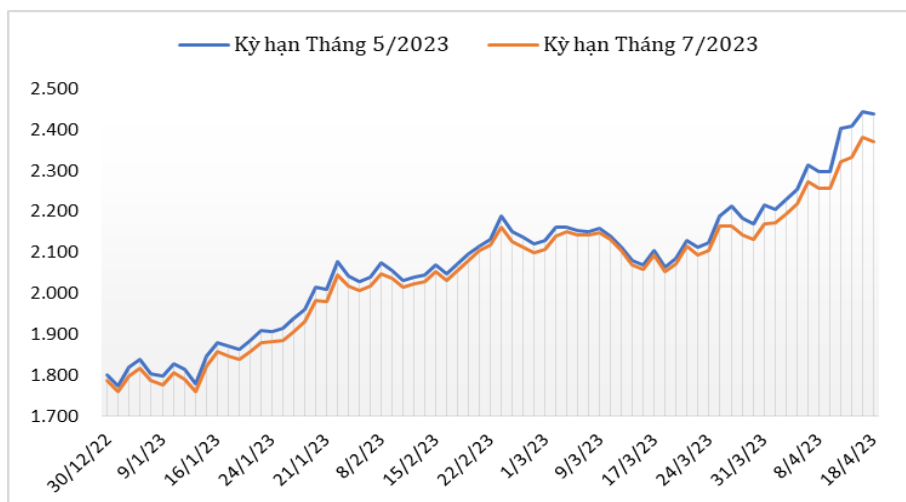
Những ngày giữa tháng 4/2023, giá cà phê Robusta và Arabica tiếp tục tăng. Nhu cầu tăng trong khi tồn kho chưa được cải thiện đã tác động tích cực lên giá cà phê toàn cầu. Xuất khẩu cà phê của Bra-xin và Cô-lôm-bi-a trong tháng 3/2023 giảm đã khiến thị trường dấy lên mối lo nguồn cung Arabica thiếu hụt trong ngắn hạn.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 18/4/2023, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 5/2023, tháng 7/2023, tháng 9/2023 và tháng 11/2023 tăng lần lượt 6,1%, 5,1%, 5,4% và 5,7% so với ngày 8/4/2023, lên mức 2.440 USD/tấn; 2.370 USD/tấn, 2.335 USD/tấn và 2.301 USD/tấn.



### Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ cuối tháng 12/2022 đến nay

(ĐVT: USD/tấn)



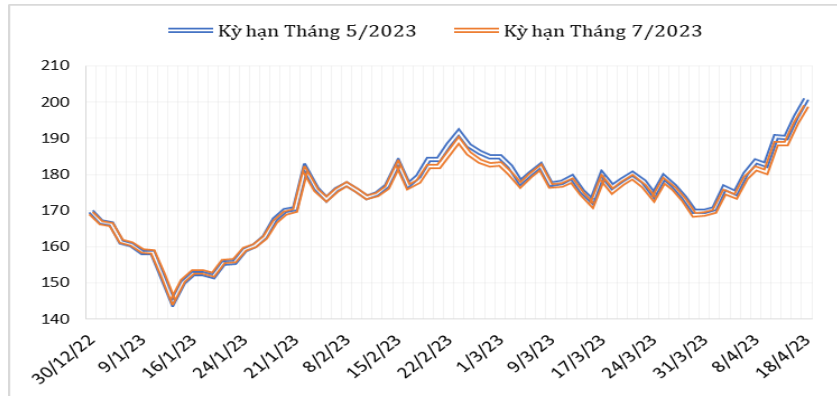
Nguồn: Sàn giao dịch London



+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 18/4/2023, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 5/2023 và tháng 7/2023 cùng tăng 9,5% so với ngày 8/4/2023, lên mức 201

Uscent/lb và 199,05 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 9/2023 và tháng 12/2023 tăng lần lượt 9,1% và 8,7% so với ngày 8/4/2023, lên mức 196,05 Uscent/lb và 193,2 Uscent/lb.

### Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ cuối tháng 12/2022 đến nay (ĐVT: Uscent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 18/4/2023, giá cà phê giao kỳ hạn tháng 5/2023, tháng 7/2023, tháng 9/2023 và tháng 12/2023 tăng lần lượt 6,5%, 3,4%, 2,3% và 2,9% so với ngày 28/3/2023, lên mức 240 Uscent/lb; 224,95 Uscent/lb, 220,4 Uscent/lb và 220,35 Uscent/lb.

Giá cà phê toàn cầu tiếp tục tăng mạnh thời gian gần đây do áp lực nguồn cung khan hiếm. Tuy nhiên, áp lực về nguồn cung sẽ được cải thiện khi khu vực Nam Mỹ và In-đô-nê-xi-a bắt đầu bước vào vụ mùa năm nay. Do đó, nhiều khả năng đà tăng giá cà phê sẽ không kéo dài.

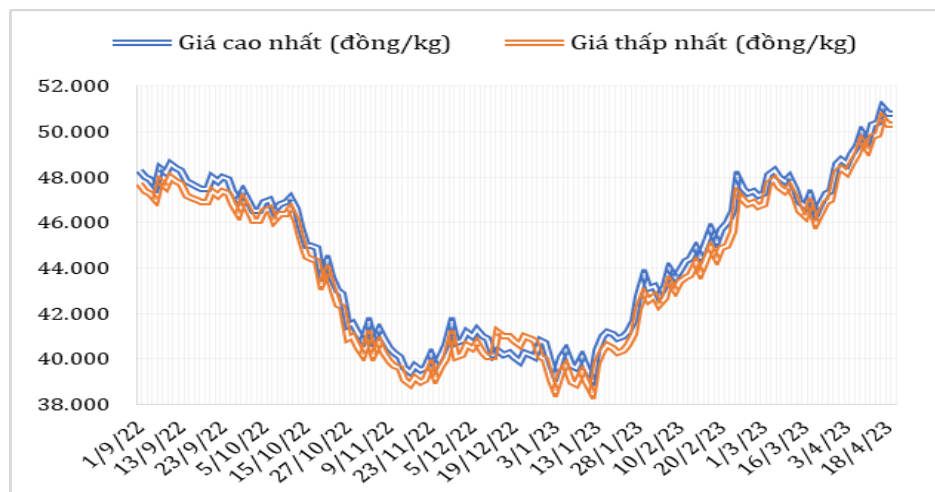
### TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ TĂNG MẠNH, TỪ 1.100 – 1.300 ĐỒNG/KG

Những ngày giữa tháng 4/2023, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tiếp tục tăng mạnh theo giá cà phê thế giới.

Ngày 18/4/2023, giá cà phê Robusta tăng từ 1.100 – 1.300 đồng/kg (tùy từng khu vực khảo sát) so với ngày 8/4/2023. Tại tỉnh

Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 1.100 đồng/kg, lên mức 50.300 đồng/kg; tại các tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk, giá cùng tăng 1.200 đồng/kg, lên mức 50.700 – 50.800 đồng/kg; tại tỉnh Đắk Nông, giá tăng cao nhất 1.300 đồng/kg, lên mức 50.700 đồng/kg.

### Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa từ đầu tháng 9/2022 đến nay



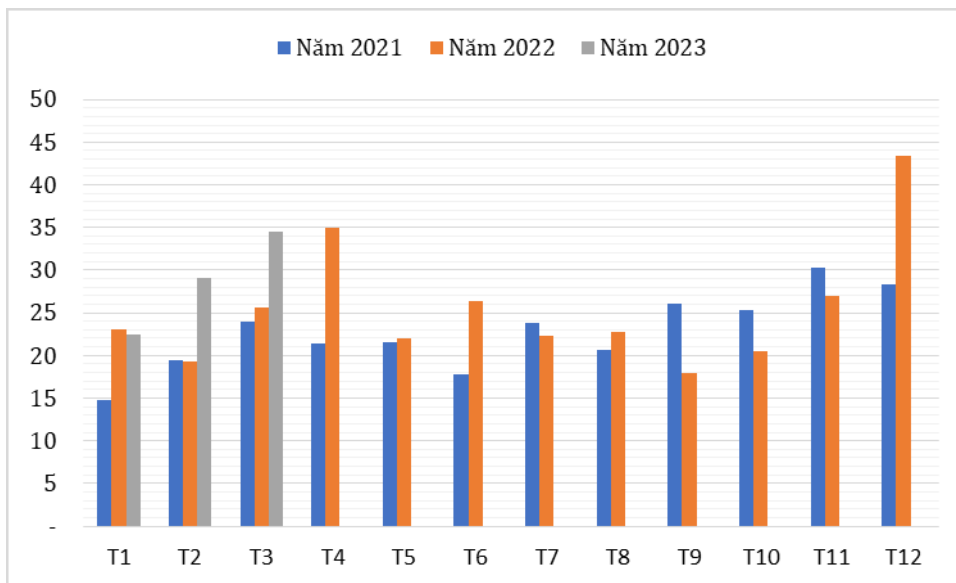
Nguồn: giacaphe.com

## XUẤT KHẨU CÀ PHÊ SANG HOA KỲ TĂNG TRƯỞNG KHẢ QUAN TRONG THÁNG 3 VÀ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 3/2023 đạt 15,3 nghìn tấn, trị giá 34,52 triệu USD, tăng 15,8% về lượng và tăng 18,4% về trị giá so với tháng 2/2023, so với tháng 3/2022 tăng

40,5% về lượng và tăng 34,7% về trị giá. Tính chung quý I/2023, xuất khẩu cà phê sang thị trường Hoa Kỳ đạt xấp xỉ 39,44 nghìn tấn, trị giá 86,19 triệu USD, tăng 44,5% về lượng và tăng 26,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

### Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: Triệu USD)



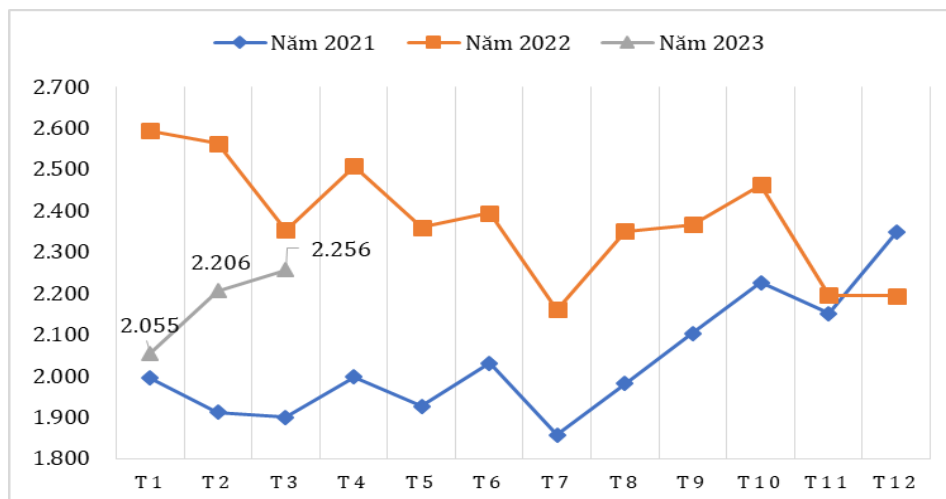
Nguồn: Tổng cục Hải quan

### Diễn biến giá xuất khẩu bình quân

Tháng 3/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.256 USD/tấn, tăng 2,3% so với tháng 2/2023,

nhưng giảm 4,1% so với tháng 3/2022. Tính chung quý I/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.184 USD/tấn, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm 2022.

### Diễn biến giá xuất khẩu bình quân cà phê sang Hoa Kỳ giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 3/2023, Việt Nam tăng xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica sang thị trường Hoa Kỳ, nhưng xuất khẩu cà phê chế biến giảm. Tính chung 3 tháng đầu năm nay, Việt Nam tăng mạnh xuất khẩu cà phê Robusta sang thị trường Hoa Kỳ, nhưng giảm xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê chế biến. Số liệu thống kê cho thấy, xuất khẩu cà phê Robusta sang Hoa Kỳ trong

3 tháng đầu năm 2023 tăng tới 60,9% về lượng và tăng 56,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 34,71 nghìn tấn, trị giá 66,42 triệu USD. Ngược lại, Việt Nam giảm xuất khẩu cà phê Arabica sang Hoa Kỳ, mức giảm 16,6% về lượng và giảm 17,8% về trị giá, đạt xấp xỉ 2,86 nghìn tấn, trị giá 12,37 triệu USD.

### Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong tháng 3 và quý I/2023

Chủng loại	Tháng 3/2023		So với tháng 3/2022 (%)		Quý I/2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Robusta	13.369	26.409	45,3	47,8	34.712	66.427	60,9	56,1
Arabica	1.048	4.765	45,4	51,8	2.859	12.373	-16,6	-17,8
Cà phê chế biến		3.341		-27,4		7.371		-28,1

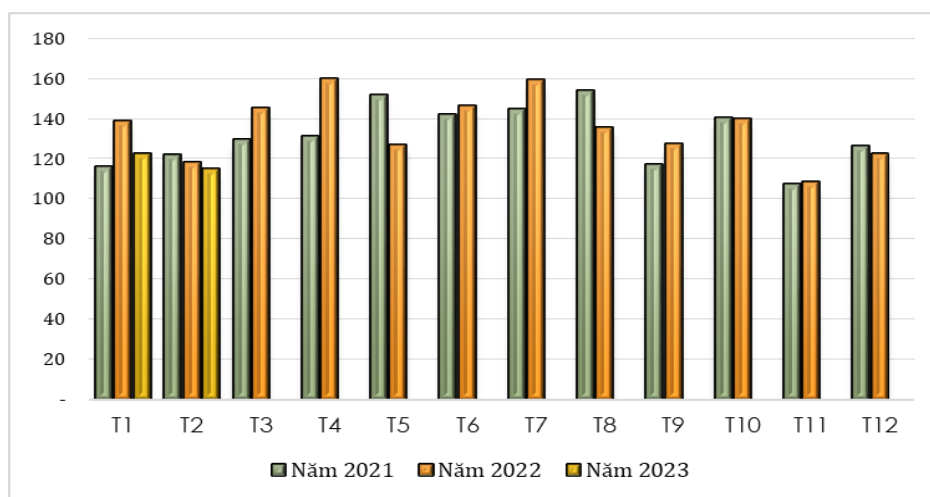
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ CỦA HOA KỲ TRONG 2 THÁNG NĂM 2023 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 2 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt

xấp xỉ 236,8 nghìn tấn, trị giá 1,28 tỷ USD, giảm 7,7% về lượng và giảm 5,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

### Nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ giai đoạn 2021 - 2023 (ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

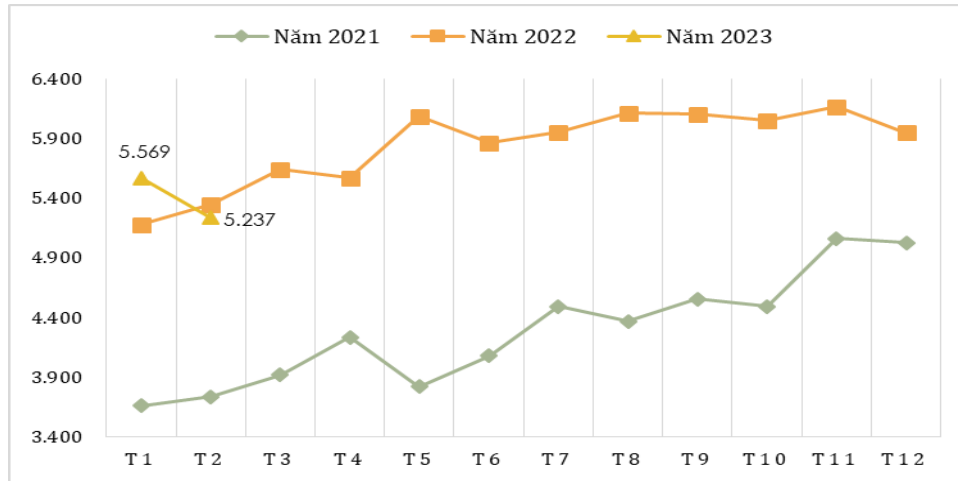
### Diễn biến giá nhập khẩu bình quân

Tháng 2/2023, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Hoa Kỳ từ thế giới đạt mức 5.237 USD/tấn, giảm 6,0% so với tháng 1/2023 và giảm 2,0% so với tháng 2/2022. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Hoa Kỳ từ thế giới đạt

mức 5.408 USD/tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Hoa Kỳ từ nhiều thị trường tăng, nhưng từ Cô-lôm-bi-a, Việt Nam, Hon-đu-rát, Mê-hi-cô giảm.



## Diễn biến giá nhập khẩu bình quân cà phê của Hoa Kỳ qua các tháng giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

### Cơ cấu nguồn cung

2 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ giảm nhập khẩu cà phê từ các thị trường Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Hon-đu-rát, nhưng tăng mạnh nhập khẩu từ Việt Nam, Mê-hi-cô.

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 2 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ nhập khẩu cà phê từ Bra-xin đạt 66,66 nghìn tấn, trị giá 277,34 triệu USD, giảm 14,7% về lượng và giảm 9,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần cà phê của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm từ 30,44% trong 2 tháng

đầu năm 2022 xuống 28,15% trong 2 tháng đầu năm 2023.

Ngược lại, Hoa Kỳ tăng mạnh nhập khẩu cà phê từ Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2023, mức tăng 51,8% về lượng và tăng 47,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt xấp xỉ 37,38 nghìn tấn, trị giá 80,66 triệu USD. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 9,60% trong 2 tháng đầu năm 2022 lên 15,79% trong 2 tháng đầu năm 2023.

### 5 thị trường cung cấp cà phê lớn cho Hoa Kỳ trong 2 tháng đầu năm 2023

Thị trường	2 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
<b>Tổng</b>	<b>236.792</b>	<b>1.280.667</b>	<b>5.408</b>	<b>-7,7</b>	<b>-5,0</b>	<b>2,9</b>
Bra-xin	66.664	277.340	4.160	-14,7	-9,5	6,0
Cô-lôm-bi-a	47.536	274.310	5.771	-6,8	-8,1	-1,4
Việt Nam	37.379	80.667	2.158	51,8	47,2	-3,0
Hon-đu-rát	10.986	50.344	4.583	-5,9	-19,5	-14,4
Mê-hi-cô	9.462	46.559	4.921	30,9	11,8	-14,6
Thị trường khác	64.766	551.453	8.515	-22,9	-5,6	22,4

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

(\* Ghi chú HS 0901 Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc chưa tách cafein; vỏ và vỏ cà phê; sản phẩm thay thế

# THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều của Bra-xin tăng trưởng 2 con số so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ 2 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, nhưng tăng nhập khẩu từ các thị trường Bồ Biển Ngà, Bra-xin.
- ▶ Tháng 3 và quý I/2023, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 68,73% trong 2 tháng đầu năm 2022 xuống còn 50,84% trong 2 tháng đầu năm 2023.

## THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

– Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, trong 2 tháng đầu năm 2023, Bra-xin xuất khẩu hạt điều đạt 2,26 nghìn tấn, trị giá 13,37 triệu USD, tăng 15,5% về lượng và tăng 5,7% về trị giá so với

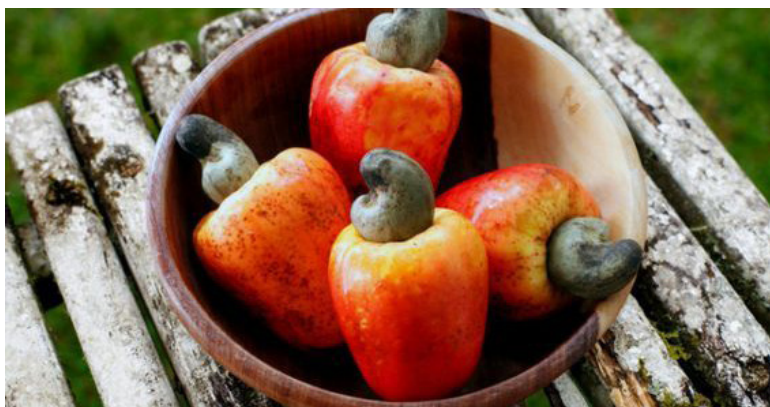
cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu hạt điều của Bra-xin sang các thị trường Hoa Kỳ, Hà Lan, Pê-ru ghi nhận tốc độ tăng trưởng từ 2 đến 3 con số.

### Thị trường xuất khẩu hạt điều của Bra-xin trong 2 tháng đầu năm 2023

Thị trường	2 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
<b>Tổng</b>	<b>2.261</b>	<b>13.373</b>	<b>5.916</b>	<b>15,5</b>	<b>5,7</b>	<b>-8,5</b>
Hoa Kỳ	777	4.626	5.953	56,8	50,1	-4,3
Hà Lan	318	1.898	5.977	90,5	68,3	-11,7
Ca-na-đa	231	1.240	5.376	29,7	-7,0	-28,3
Pê-ru	137	926	6.749	116,1	74,1	-19,4
Mê-hi-cô	98	592	6.042	-48,6	-56,5	-15,4
Thị trường khác	700	4.091	5.843	-18,9	-21,6	-3,4

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

(\* Ghi chú HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ



– Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 2 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ nhập khẩu hạt điều đạt 20,9 nghìn tấn, trị giá 120,2 triệu USD, giảm 11,6% về lượng và giảm 24,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Hoa Kỳ giảm nhập khẩu hạt điều từ các thị trường Việt Nam, Ni-giê-ri-a, Ấn Độ, nhưng tăng nhập khẩu từ các thị trường Bồ Biển Ngà, Bra-xin.

## Thị trường cung cấp hạt điều cho Hoa Kỳ trong 2 tháng đầu năm 2023

Thị trường	2 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Thị phần tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>20.906</b>	<b>120.193</b>	<b>-11,6</b>	<b>-24,6</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
Việt Nam	17.775	101.214	-15,1	-28,1	85,02	88,52
Bờ Biển Ngà	1.507	8.533	46,8	34,3	7,21	4,34
Bra-xin	623	3.635	50,8	36,9	2,98	1,75
Ni-giê-ri-a	287	1.623	-50,9	-60,1	1,37	2,47
Ấn Độ	201	1.597	-28,9	-29,8	0,96	1,20
Thị trường khác	512	3.590	25,3	6,8	2,45	1,73

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

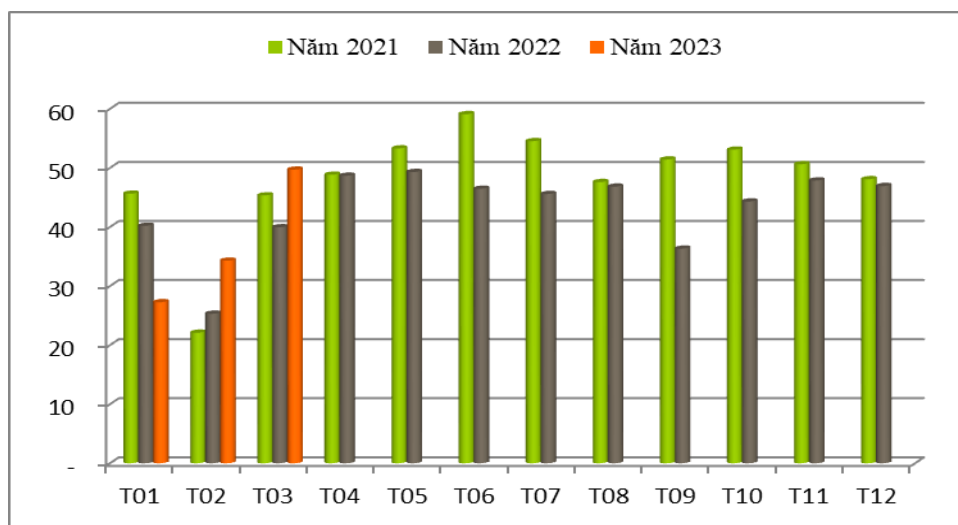
(\* Ghi chú HS 080131 Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ; HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

## QUÝ I/2023, XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU TĂNG CẢ VỀ LƯỢNG VÀ TRỊ GIÁ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2022

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 3/2023, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 4,97 nghìn tấn, trị giá 295,06 triệu USD, tăng 44,9% về lượng và tăng 49,2% về trị giá so với tháng 2/2023, so với tháng 3/2022 tăng 24,4% về lượng và tăng

23,5% về trị giá. Tính chung quý I/2023, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 111,17 nghìn tấn, trị giá 648,04 triệu USD, tăng 6,7% về lượng và tăng 4,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

### Lượng hạt điều xuất khẩu giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

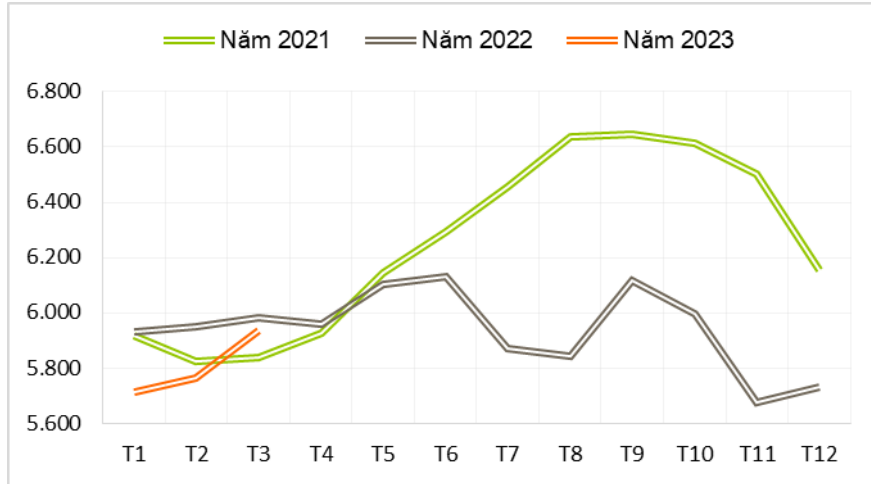


## Diễn biến giá

Tháng 3/2023, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam đạt mức 5.937 USD/tấn, tăng 3,0% so với tháng 2/2023, nhưng giảm 0,7% so với tháng 3/2022. Tính chung

quý I/2023, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của nước ta đạt mức 5.829 USD/tấn, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm 2022.

### Diễn biến giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Về thị trường

Tháng 3/2023, xuất khẩu hạt điều sang hầu hết các thị trường truyền thống tăng so với cùng kỳ năm 2022, ngoại trừ Hà Lan, Ca-na-đa, Úc. Đáng chú ý, xuất khẩu hạt điều sang các thị trường Trung Quốc, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất, Anh, Ả rập Xê út, Nhật Bản... tăng mạnh.

Trong quý I/2023, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang các thị trường Hoa Kỳ, Hà Lan, Đức, Ca-na-đa, Úc giảm so với cùng kỳ năm 2022. Ngược lại, xuất khẩu hạt điều sang các thị trường Trung Quốc, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất, Anh, Ả rập Xê út, Nhật Bản tăng trưởng từ 2 đến 3 con số.

### 10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam tháng 3 và quý I/2023

Thị trường	Tháng 3/2023		So với tháng 3/2022 (%)		Quý I/2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>49.700</b>	<b>295.061</b>	<b>24,4</b>	<b>23,5</b>	<b>111.170</b>	<b>648.040</b>	<b>6,0</b>	<b>3,7</b>
Hoa Kỳ	13.089	77.555	1,3	6,1	28.931	169.007	-17,2	-15,1
Trung Quốc	6.502	43.637	124,0	132,9	11.621	75.197	123,4	121,3
Hà Lan	4.226	25.846	-10,1	6,0	9.940	60.678	-14,7	8,3
Các TVQ Ả rập Thống nhất	1.455	8.392	50,5	37,2	4.265	24.752	115,3	102,8
Anh	1.826	9.436	47,5	41,2	4.115	21.517	35,1	26,9
Ả Rập Xê út	1.808	10.956	92,3	77,1	3.384	19.917	57,6	42,7
Đức	1.626	9.348	9,5	6,8	3.314	19.048	-27,1	-33,6
Ca-na-đa	985	5.808	-8,8	-20,6	2.702	16.468	-5,5	-0,1

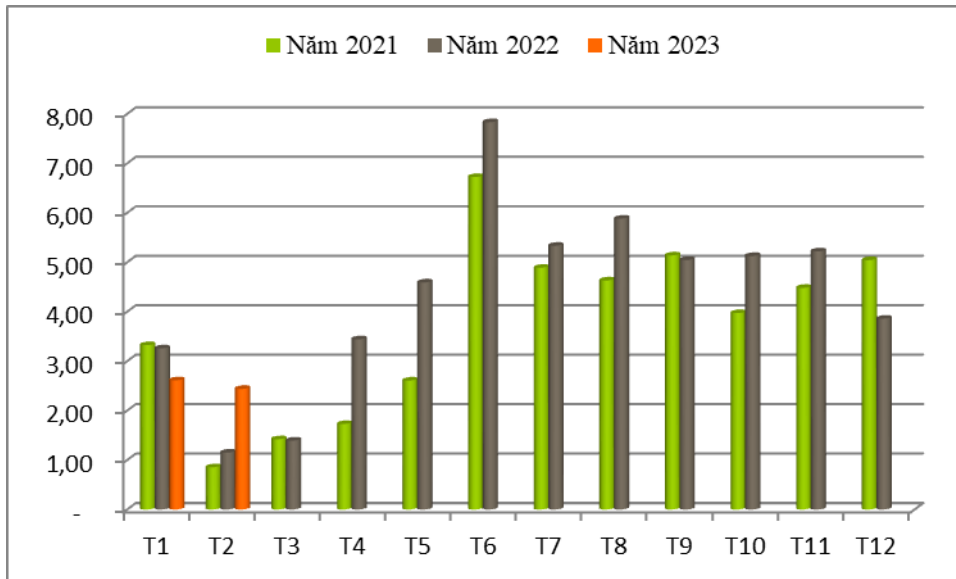
Thị trường	Tháng 3/2023		So với tháng 3/2022 (%)		Quý 1/2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Úc	852	4.354	-35,4	-47,6	2.664	14.535	-28,4	-36,5
Nhật Bản	891	5.789	52,0	35,0	2.174	13.945	34,9	19,7
Thị trường khác	16.440	93.938	39,1	25,0	38.060	212.975	14,7	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA TRUNG QUỐC TRONG 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, 2 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều đạt trên 5 nghìn tấn, trị giá 19,42 triệu USD, tăng 14,5% về lượng, nhưng giảm 25% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

### Nhập khẩu hạt điều của Trung Quốc giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: nghìn tấn)



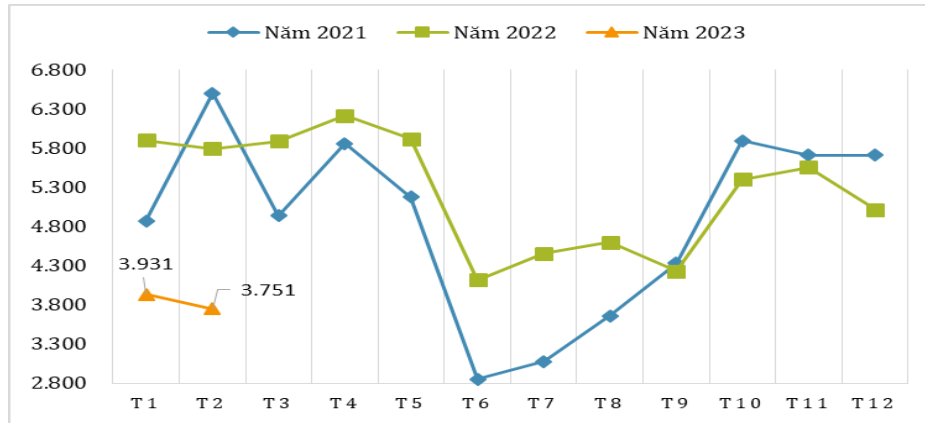
Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

### Diễn biến giá

Tháng 2/2023, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Trung Quốc đạt mức 3.751 USD/tấn, giảm 4,6% so với tháng 1/2023 và giảm 35,2% so với tháng 2/2022. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Trung Quốc từ thế giới đạt mức 3.844 USD/tấn, giảm 34,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Trung Quốc từ Việt Nam giảm, nhưng từ các thị trường Bồ Biển Ngà, Tô-gô, Ta-da-ni-a tăng. Mặc dù vậy, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Trung Quốc từ các thị trường trên ở mức thấp, quanh mức từ 668 – 3.421 USD/tấn. Điều này cho thấy, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều thô hoặc sơ chế từ các thị trường trên.



## Diễn biến giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Trung Quốc giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

### Cơ cấu nguồn cung

Nguồn cung hạt điều cho Trung Quốc tập trung chủ yếu từ các thị trường Việt Nam, Bồ Biển Ngà, Bê-nanh, Tô-gô. Trong 2 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, nhưng tăng mạnh nhập khẩu từ các thị trường khu vực châu Phi.

2 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt xấp xỉ 2,57 nghìn tấn, trị giá 14,91 triệu USD, giảm 15,3% về lượng và giảm 26,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 68,73% trong 2 tháng đầu năm 2022 xuống còn 50,84% trong 2 tháng đầu năm 2023.

Ngược lại, Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu hạt điều từ Bồ Biển Ngà trong 2 tháng đầu năm nay, tăng 48,1% về lượng và tăng 72,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 764 tấn, trị giá 2,61 triệu USD. Thị phần hạt điều của Bồ Biển Ngà trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 11,69% trong 2 tháng đầu năm 2022 lên 15,12% trong 2 tháng đầu năm 2023.

Như vậy có thể thấy, ngành điều Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các nước sản xuất châu Phi tại thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, theo dõi số liệu có thể thấy, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều chế biến từ Việt Nam, trong khi đó nhập khẩu hạt điều thô hoặc sơ chế từ các nước châu Phi.

### Thị trường cung cấp hạt điều cho Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2023

Thị trường	2 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
<b>Tổng</b>	<b>5.053</b>	<b>19.423</b>	<b>3.844</b>	<b>14,5</b>	<b>-25,0</b>	<b>-34,5</b>
Việt Nam	2.569	14.911	5.805	-15,3	-26,4	-13,1
Bồ Biển Ngà	764	2.612	3.421	48,1	72,4	16,4
Bê-nanh	656	439	668			
Tô-gô	560	719	1.284	3.400,0	4.393,4	28,4
Ta-da-ni-a	329	566	1.724	183,2	217,2	12,0
Thị trường khác	175	175	1.000	-76,0	-95,5	-81,4

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

# THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ *Ác-hen-ti-na dự báo sản lượng cam quýt giảm đáng kể vào năm 2023 do ảnh hưởng bởi thời tiết.*
- ▶ *3 tháng đầu năm 2023, trị giá xuất khẩu hàng rau quả đạt 982 triệu USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2022.*
- ▶ *Thị phần chủng loại quả xoài (HS 08045020) của Việt Nam tăng trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc.*

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

**Ác-hen-ti-na:** Dẫn nguồn freshfruitportal.com, theo Chủ tịch Liên đoàn trái cây có múi của Ác-hen-ti-na, những thách thức về thời tiết có thể cản trở việc sản xuất trái cây có múi của nước này vào năm 2023. Cây trồng đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi điều kiện khí hậu thay đổi, nơi nhiệt độ cao đã gây ra trạng thái nhiệt độ môi trường chênh lệch lớn, dẫn đến kích thước quả giảm mạnh. Theo đó, dự báo sản lượng chanh giảm 20% và cam và quýt giảm tới 35%.

Khoảng 70% sản lượng cam quýt của Ác-hen-ti-na được xuất khẩu, với 120.000 ha trồng trọt cho đến nay.

Các thị trường tiêu thụ chính của cam quýt Ác-hen-ti-na bao gồm EU, Nga và Hoa Kỳ, với một lượng rất nhỏ xuất khẩu tới Trung Quốc, một thị trường mới nổi của mặt hàng này.

Về giá cả, năm 2023 sẽ là một năm tốt đối với trái cây có múi của Ác-hen-ti-na. Do những năm gần đây, ngành sản xuất chanh thế giới đã xảy ra tình trạng sản xuất dư thừa và điều này có xu hướng làm giảm giá. Năm 2023, với dự kiến sản lượng ít hơn ở Ác-hen-ti-na và sự sụt giảm sản lượng ở bán cầu bắc, vì vậy giá trái cây có múi có thể tăng.



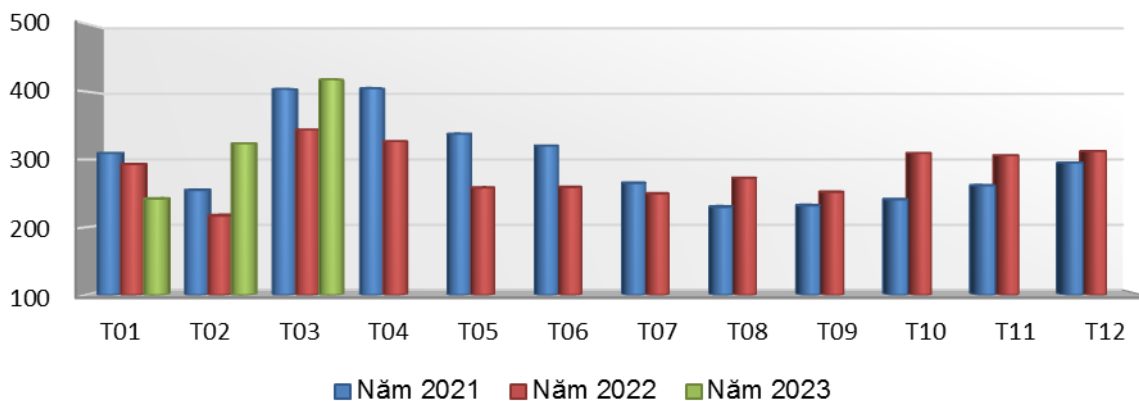


## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong tháng 3/2023 đạt 418 triệu USD, tăng 22% so với tháng 3/2022. Tính

chung 3 tháng đầu năm 2023, trị giá xuất khẩu hàng rau quả đạt 982 triệu USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2022.

### Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hàng rau quả tăng trưởng tích cực trong 3 tháng đầu năm 2023 là nhờ trị giá xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng mạnh. Trị giá xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đạt 576,4 triệu USD, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm 2022. Nhu cầu của Trung Quốc tăng cao là do tháng 2 và 3 là mùa lạnh, do đó diện tích cây ăn trái cho sản lượng thấp, không đủ cung ứng nội địa. Việc mở cửa trở lại sau nhiều năm áp dụng chính sách Zero covid tại Trung Quốc sẽ thúc đẩy ngành hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường này tăng trưởng khả quan trong năm 2023. Tuy nhiên, Trung Quốc đang siết dần nhập khẩu tiểu ngạch và chuyển qua chính ngạch, chất lượng rau

quả nhập khẩu đòi hỏi ngày càng cao. Để xuất khẩu sang thị trường này, ngoài tăng cường chất lượng hàng hóa, doanh nghiệp và nhà vườn phải tuân thủ và kiểm soát chặt mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói.

Trong khi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng mạnh, hàng rau quả xuất khẩu tới Hoa Kỳ giảm mạnh, do ảnh hưởng bởi lạm phát dẫn tới sức mua yếu tại thị trường này.

Đáng chú ý, hàng rau quả xuất khẩu sang các thị trường khác như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hà Lan... tăng trưởng tích cực trong 3 tháng đầu năm 2023.

### Thị trường xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 3/2023 (nghìn USD)	So với tháng 3/2022 (%)	3 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3 tháng năm 2023	3 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>417.952</b>	<b>22,0</b>	<b>981.960</b>	<b>16,2</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Trung Quốc	256.283	30,4	576.402	27,4	58,7	53,5
Hoa Kỳ	20.113	-11,4	51.881	-16,1	5,3	7,3
Hàn Quốc	20.042	14,6	46.971	13,2	4,8	4,9

Thị trường	Tháng 3/2023 (nghìn USD)	So với tháng 3/2022 (%)	3 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3 tháng năm 2023	3 tháng năm 2022
Nhật Bản	16.626	5,7	39.697	11,3	4,0	4,2
Hà Lan	12.627	138,9	32.423	91,3	3,3	2,0
Thái Lan	9.805	20,6	22.516	-15,3	2,3	3,1
Úc	7.677	-12,8	18.908	-20,2	1,9	2,8
Đài Loan	7.147	11,0	16.949	-18,9	1,7	2,5
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	6.771	39,2	15.905	22,9	1,6	1,5
Ma-lai-xi-a	5.849	44,8	15.053	36,2	1,5	1,3
Thị trường khác	55.012	4,5	145.256	2,5	14,8	16,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

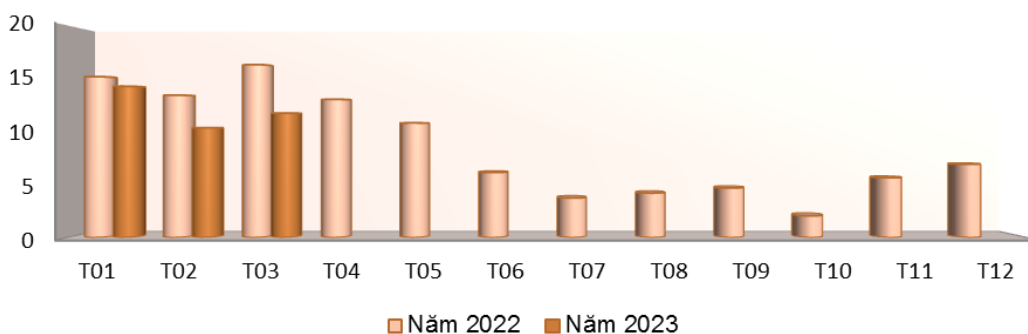


## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU QUẢ XOÀI CỦA HÀN QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội Thương mại quốc tế Hàn Quốc (KITA), nhập khẩu chủng loại quả xoài (HS 08045020) của Hàn Quốc trong 3 tháng năm 2023 đạt 8 nghìn tấn, trị giá 36,4 triệu USD, giảm 18%

về lượng và giảm 19% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Giá xoài nhập khẩu bình quân trong 3 tháng năm 2023 đạt 4.533,8 USD/tấn, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2022.

### Nhập khẩu quả xoài của Hàn Quốc năm 2022 – 2023 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Hiệp hội Thương mại quốc tế Hàn Quốc (KITA)

Pê-ru là thị trường cung cấp xoài lớn nhất cho Hàn Quốc trong 3 tháng đầu năm 2023, lượng xoài nhập khẩu từ Pê-ru chiếm 63,4% tổng lượng xoài nhập khẩu vào Hàn Quốc, đạt 5,1 nghìn tấn, trị giá 25,7 triệu USD, giảm 14,8% về lượng và giảm 18,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là thị trường Thái Lan đạt 2,3 nghìn tấn, trị giá 7,8 triệu USD, giảm 22% về lượng và giảm 20,4% về trị giá, chiếm 28,1%. Việt Nam là thị trường cung cấp xoài lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, tuy nhiên lượng nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 5,8% tổng lượng xoài nhập khẩu. Dư địa thị trường còn nhiều là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu xoài

đẩy mạnh xuất khẩu tới thị trường Hàn Quốc trong thời gian tới; bên cạnh đó là việc tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết với Hàn Quốc cũng mang lại kết quả tích cực. Tuy nhiên, để đẩy mạnh xuất khẩu quả xoài sang Hàn Quốc, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chú ý người tiêu dùng Hàn Quốc đặt tính an toàn của nông sản, thực phẩm lên hàng đầu, sau đó tới chất lượng, mùi vị, hình thức bên ngoài và giá cả. Hàn Quốc được xem là thị trường áp dụng nhiều các quy định nghiêm ngặt nhất châu Á về điều kiện đối với hàng nông sản nhập khẩu.

### Thị trường cung cấp quả xoài cho Hàn Quốc trong 3 tháng đầu năm 2023

Thị trường	3 tháng năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>8.030</b>	<b>36.406</b>	<b>4.533,8</b>	<b>-18,0</b>	<b>-19,0</b>	<b>-1,2</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Pê-ru	5.087	25.732	5.058,3	-14,8	-18,1	-3,9	63,4	61,0
Thái Lan	2.254	7.834	3.476,2	-22,0	-20,4	2,1	28,1	29,5
Việt Nam	468	1.951	4.166,1	-10,2	-12,7	-2,8	5,8	5,3
Phi-líp-pin	173	529	3.050,7	-25,2	-23,1	2,8	2,2	2,4
Trung Quốc	4	146	38.985,3	1.924,3	7.200,0	260,6	0,0	0,0
Thị trường khác	44	214	4.878,6	-75,9	-72,1	15,7	0,5	1,9

Nguồn: Hiệp hội Thương mại quốc tế Hàn Quốc (KITA)



# THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN

- ▶ Giữa tháng 4/2023, giá sắn nguyên liệu tại Thái Lan tăng, giá tinh bột sắn và sắn lát xuất khẩu ổn định.
- ▶ Trong 10 ngày giữa tháng 4/2023, giá sắn tươi tại các số tỉnh khu vực miền Trung, Tây nguyên ổn định so với 10 ngày trước đó.
- ▶ 3 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam tăng 0,4% về lượng, nhưng giảm 12,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Thị phần tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của thị trường Đài Loan giảm.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

**Thái Lan:** Trong 10 ngày giữa tháng 4/2023, giá sắn nguyên liệu được điều chỉnh tăng so với 10 ngày trước đó; trong khi giá tinh bột sắn nội địa, tinh bột sắn và sắn lát xuất khẩu của Thái Lan được giữ ổn định.

Hiệp hội tinh bột sắn Thái Lan thông báo giữ giá sản xuất khẩu tinh bột sắn ở mức 550 USD/tấn FOB-Băng Cốc, ổn so với 10 ngày trước đó; trong khi giá thu mua tinh bột sắn nội địa cũng được giữ ở mức 17,8 Baht/kg, ổn định so với 10 ngày trước đó.

Trong khi đó, Hiệp hội thương mại khoai mì Thái Lan thông báo điều chỉnh giá sắn nguyên liệu lên mức 3,25-3,90 Baht/kg, tăng 0,2 Baht/kg so với 10 ngày trước đó; trong khi giá sản xuất khẩu sắn lát được giữ ở mức 265-275 USD/tấn FOB-Băng Cốc, ổn định so với 10 ngày trước đó.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, 2 tháng đầu năm 2023, Thái Lan xuất khẩu được gần 1,3 triệu tấn sắn lát (HS 07141011), trị giá 11,09 tỷ Baht (tương đương 326,96 triệu USD), tăng 31,9% về lượng và tăng 41,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 99,96% tổng lượng sắn lát xuất khẩu của Thái Lan, với 1,29 triệu tấn, trị giá 11,08 tỷ Baht (tương đương 326,83 triệu USD), tăng 31,8% về lượng và tăng 41,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. (Tỷ giá 1 Baht = 0,02949 USD).

Trong khi đó, 2 tháng đầu năm 2023, Thái Lan xuất khẩu được 475,08 nghìn

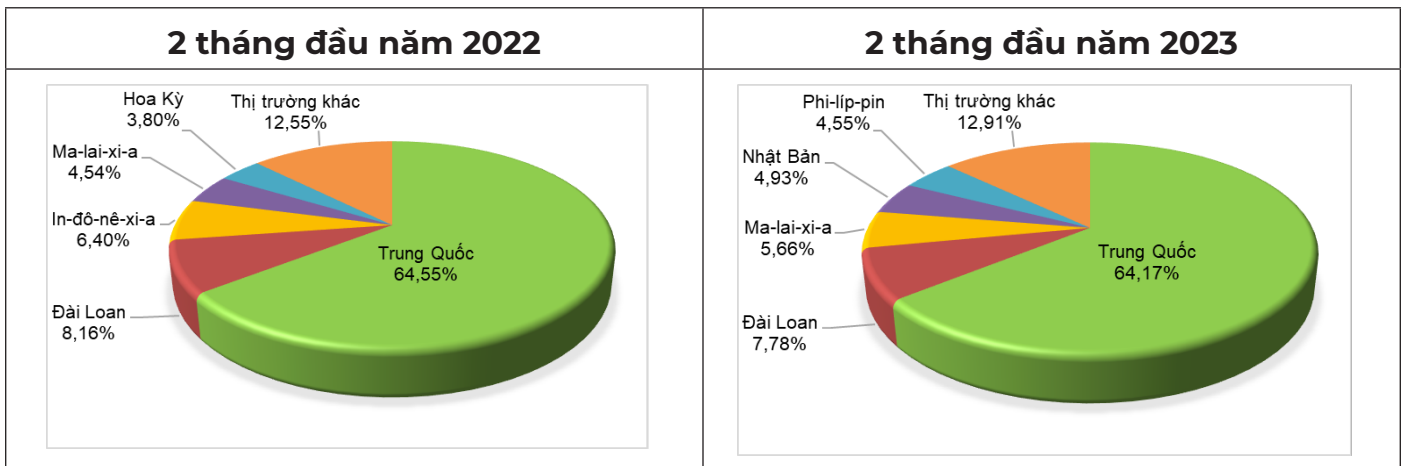


tấn tinh bột sắn (HS 11081400), trị giá 7,45 tỷ Baht (tương đương 219,69 triệu USD), giảm 27,9% về lượng và giảm 28,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu tinh bột sắn sang Trung Quốc chiếm 64,17% tổng lượng tinh bột sắn xuất khẩu của Thái Lan, với 304,84 nghìn tấn, trị giá 4,64 tỷ Baht (tương đương 137,01 triệu USD), giảm 28,4% về lượng và giảm 29,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022; tiếp đến là thị trường Đài Loan đứng vị trí thứ 2, chiếm 7,78%, với 36,98 nghìn tấn, giảm 31,3% và Ma-lai-xi-a đứng ở vị trí thứ 3, chiếm 5,66%, với 26,87 nghìn tấn, giảm 10,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan trong 2 tháng đầu năm 2023 có sự thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Đài Loan, In-đô-nê-xi-a giảm; trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Ma-lai-xi-a, Nhật Bản, Phi-líp-pin lại tăng.



## Cơ cấu thị trường tiêu thụ tinh bột sắn (HS 11081400) của Thái Lan (% tính theo lượng)



*Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan*

### THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Theo Hiệp hội Sắn Việt Nam, trong 10 ngày giữa tháng 4/2023, giá sắn tươi tại các tỉnh khu vực miền Trung, Tây nguyên ổn định so với 10 ngày trước đó. Tại Đắk Lắk, giá sắn tươi thu mua dao động ở mức 3.000-3.050 đồng/kg; Tại Gia Lai dao động ở mức 3.300-3.600 đồng/kg, ổn định so với 10 ngày trước đó. Tại Tây Ninh, giá sắn tươi thu mua dao động ở mức 3.400-4.200 đồng/kg.

Các nhà máy Việt Nam đang chào bán tinh bột sắn với mức giá trong khoảng 525-545 USD/tấn FOB cảng TP. Hồ Chí Minh, tăng 10 USD/tấn so với 10 ngày trước đó, do giá nguyên liệu vẫn duy trì ở mức cao và nguồn nguyên liệu khan hiếm khi dần vào cuối vụ. Giá tinh bột sắn giao tại Móng Cái và Lạng Sơn ở mức 3.600 – 3.850 CNY/tấn, tăng 100 CNY/tấn so với 10 ngày trước

đó. Nhu cầu hỏi mua tinh bột sắn từ phía Trung Quốc bắt đầu nhiều hơn.

Giá xuất khẩu sắt lát sang thị trường Trung Quốc khoảng 305 USD/tấn FOB Quy Nhơn; trong khi giá xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc khoảng 355 USD/tấn FOB Quy Nhơn, ổn định so với 10 ngày trước đó.

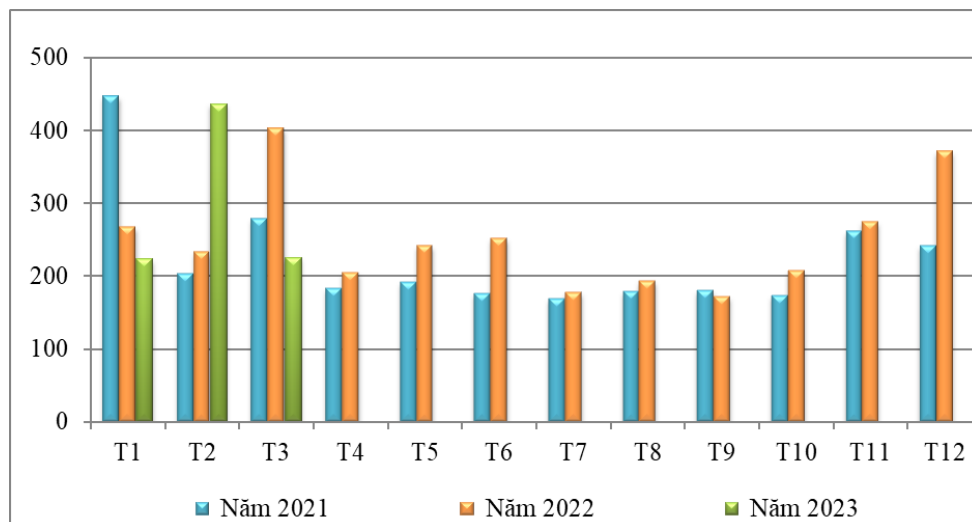
Hiện nguồn hàng tồn kho tại các nhà máy thấp, trong khi nhu cầu cho tiêu thụ trong nước dự báo tăng trong thời gian tới. Giá xuất khẩu cũng được khách hàng Trung Quốc chấp nhận mua ở mức khá cao. Nhu cầu hỏi hàng sắt lát của khách hàng Trung Quốc tăng do lượng hàng này về Trung Quốc giảm dần. Thời điểm hiện tại, giá chấp nhận mua của khách hàng Trung Quốc chưa tương đồng với giá chào bán của nhiều doanh nghiệp Việt Nam.

### TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẮN CỦA VIỆT NAM SANG TRUNG QUỐC TRONG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Trong tháng 3/2023, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ sắn và các sản phẩm từ sắn lớn nhất của Việt Nam, chiếm 82,25% tổng lượng sắn xuất khẩu của cả nước. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 3/2023, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 225,67 nghìn tấn, trị giá 83,99 triệu USD, giảm 48,3% về lượng và giảm

48,1% về trị giá so với tháng 02/2023; So với tháng 3/2022 giảm 43,7% về lượng và giảm 53,1% về trị giá. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 885,46 nghìn tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, trị giá 331,87 triệu USD, tăng 0,4% về lượng, nhưng giảm 12,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

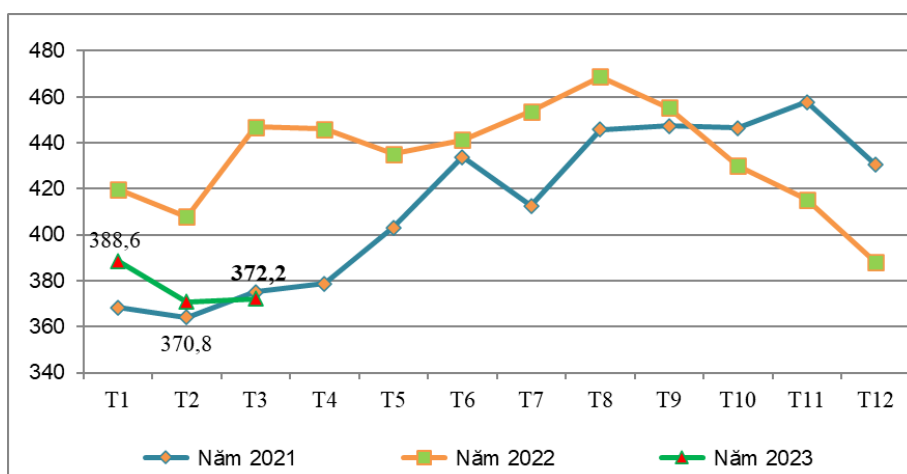
## Lượng sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc qua các tháng năm 2021 - 2023 (ĐVT: Nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về giá xuất khẩu: Giá xuất khẩu bình quân sản và các sản phẩm từ sản sang thị trường Trung Quốc trong tháng 3/2023 ở mức 372,2 USD/tấn, tăng 0,4% so với tháng 02/2023, nhưng giảm 16,7% so với tháng 3/2022.

## Giá xuất khẩu sản và các sản phẩm sản bình quân của Việt Nam sang Trung Quốc các tháng năm 2021 - 2023 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan

Các chủng loại sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm 2023 chủ yếu vẫn là tinh bột sản và sản lát khô. Trong đó, xuất khẩu tinh bột sản sang Trung Quốc giảm cả về lượng và trị giá; trong khi xuất khẩu sản lát tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Dự báo tháng tới, nhu cầu mua sản lát và tinh bột sản từ Trung Quốc vẫn cao do thị trường này tăng cường dự trữ lương thực, ngũ cốc cho tiêu dùng. Ngoài ra, các

ngành công nghiệp năng lượng và thức ăn chăn nuôi cũng chuyển sang nhập khẩu các sản phẩm từ sản để thay thế, dẫn đến tăng nhu cầu đối với sản.



## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU SẴN VÀ TINH BỘT SẴN CỦA ĐÀI LOAN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

**Tinh bột sắn:** Theo số liệu thống kê của Cơ quan Tài chính Đài Loan, trong 3 tháng đầu năm 2023, thị trường Đài Loan nhập khẩu 84,59 nghìn tấn tinh bột sắn (HS 110814), trị giá 41,39 triệu USD, giảm 8,9% về lượng và giảm 16,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thái Lan, Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Lào là các thị trường lớn nhất cung cấp tinh bột sắn cho thị trường Đài Loan trong 3 tháng đầu năm 2023. Trong đó, nhập khẩu tinh bột sắn của Đài Loan từ Việt Nam và In-đô-nê-xi-a tăng, trong khi nhập khẩu từ Thái Lan và Lào giảm.

Trong 3 tháng đầu năm 2023, Việt Nam là thị trường lớn thứ 2 cung cấp tinh bột sắn cho thị trường Đài Loan, với 13,84 nghìn tấn, trị giá 6,67 triệu USD, tăng 97,2% về lượng và tăng 68,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần tinh bột sắn của Việt Nam chiếm 16,36% trong tổng lượng tinh bột sắn nhập khẩu của thị trường Đài Loan, cao hơn so với mức 7,55% của 3 tháng đầu

năm 2022. Trong khi đó, thị phần tinh bột sắn của Thái Lan chiếm 78,16%, thấp hơn so với mức 87,89% của 3 tháng đầu năm 2022.

**Sắn:** Theo số liệu thống kê của Cơ quan Tài chính Đài Loan, trong 3 tháng đầu năm 2023, thị trường Đài Loan nhập khẩu 10 tấn sắn (HS 071410), trị giá 6 nghìn USD, giảm 9,1% về lượng và giảm 14,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. In-đô-nê-xi-a và Thái Lan là 2 thị trường cung cấp sắn cho thị trường Đài Loan trong 3 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu từ hai thị trường này đều giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Nhìn chung, nhu cầu sắn và tinh bột sắn của thị trường Đài Loan vẫn ở mức thấp, nên xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này khó tăng đột biến trong thời gian tới. Tại thị trường này, sắn và tinh bột sắn của Việt Nam cũng phải cạnh tranh với sắn và tinh bột sắn của Thái Lan.

### Thị trường cung cấp sắn và tinh bột sắn cho thị trường Đài Loan trong 3 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng - Thị trường	3 tháng đầu năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2023
<b>Tinh bột sắn (HS 110814)</b>	<b>84.591</b>	<b>41.395</b>	<b>-8,9</b>	<b>-16,7</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
Thái Lan	66.117	32.546	-19,0	-25,4	87,89	78,16
Việt Nam	13.839	6.674	97,2	68,3	7,55	16,36
In-đô-nê-xi-a	3.287	1.532	32,0	32,4	2,68	3,89
Lào	1.330	628	-19,5	-28,5	1,78	1,57
Trung Quốc	17	12	-81,1	-81,5	0,10	0,02
Hoa Kỳ	1	3			-	0,00
<b>Sắn (HS 071410)</b>	<b>10</b>	<b>6</b>	<b>-9,1</b>	<b>-14,3</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
In-đô-nê-xi-a	9	4	-10,0	0,0	90,91	90,00
Thái Lan	1	2	0,0	-33,3	9,09	10,00

Nguồn: Cơ quan Tài chính Đài Loan

# THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ Rabobank dự báo giá tôm thế giới có thể phục hồi vào nửa cuối năm 2023 nếu nhu cầu từ Trung Quốc trở về mức trước đại dịch.
- ▶ Ả Rập Xê Út đã đình chỉ nhập khẩu tôm từ Ấn Độ.
- ▶ Tháng 3/2023, xuất khẩu cá tra, basa, mực các loại, ốc, bạch tuộc sang thị trường Úc có dấu hiệu phục hồi.
- ▶ 2 tháng đầu năm 2023, thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Theo Rabobank, giá tôm thế giới có thể phục hồi vào nửa cuối năm 2023 nếu nhu cầu từ Trung Quốc về mức trước đại dịch.

Các tháng đầu năm 2023, nhập khẩu tôm của Trung Quốc tăng chủ yếu do các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu khi giá tôm ở mức thấp, chứ không có nghĩa là nhu cầu người tiêu dùng Trung Quốc cũng tăng. Chi tiêu của người tiêu dùng Trung Quốc vẫn thấp mặc dù chính phủ nước này đã nới lỏng quy định phòng dịch, người tiêu dùng ở Trung Quốc vẫn hạn chế ăn uống ở ngoài.

Rabobank dự báo nguồn cung tôm chân trắng nuôi trong năm 2023 sẽ giảm. Do lo ngại về nhu cầu của thị trường, người nuôi tôm Ấn Độ có xu hướng trì hoãn thả nuôi. Do đó, sản lượng tôm Ấn Độ trong năm 2023 được dự báo giảm 13% so với năm 2022. Khoảng 90% người nuôi tại Ấn Độ có khả năng không tăng mật độ tôm nuôi trong ao. Sản lượng tôm của In-đô-nê-xi-a năm 2023 cũng được dự báo giảm 4% trong năm 2023 do nhu cầu chậm. Họ cũng phải đối mặt với một số vấn đề về sản xuất như thiếu quy định kiểm soát trại giống. Hiện In-đô-nê-xi-a phụ thuộc nhiều vào thị trường Hoa Kỳ và đang hướng tới thị trường Trung Quốc.

- Ả Rập Xê Út: Bộ Môi trường, Nước và Nông nghiệp Ả Rập Xê Út đã phát hiện vi rút gây hội chứng đốm trắng (WSSV) trong các sản phẩm tôm đông lạnh nhập khẩu



từ Ấn Độ. Do đó, Ả Rập Xê Út đã đình chỉ nhập khẩu tôm từ thị trường này.

Theo Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Ả Rập Xê út (SFDA), lệnh cấm sẽ được duy trì cho đến khi Ấn Độ có thể cung cấp sản phẩm xuất khẩu đủ an toàn. Ấn Độ phải đảm bảo những sản phẩm xuất khẩu không chứa các mầm bệnh có thể lây lan ở Ả Rập Xê Út.

Ả Rập Xê Út là thị trường thủy sản lớn thứ 17 trên thế giới, với trị giá nhập khẩu 684,7 triệu USD (tương đương 594 triệu EUR) vào năm 2020, chiếm 1,24% thị phần toàn cầu. Tôm là phân khúc tăng trưởng nhanh nhất trong thị trường thủy sản của Ả Rập Xê Út, với tốc độ tăng trưởng dự kiến là 2% cho đến năm 2028.



## XUẤT KHẨU CÁ TRA, BASA CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG ÚC CÓ DẤU HIỆU PHỤC HỒI

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Úc đạt 1,78 nghìn tấn, trị giá 19,18 triệu USD, giảm 21,1% về lượng và giảm 29,3% về trị giá so với tháng 3/2022. Tính chung quý I/2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Úc đạt 8,69 nghìn tấn, trị giá 64,57 triệu USD, giảm 27,1% về lượng và giảm 30,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 3/2023, trong khi xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang Úc đều giảm, xuất khẩu cá tra, basa, mực các loại, ốc, bạch tuộc có dấu hiệu phục hồi.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản sang thị trường Úc giảm so với cùng kỳ năm 2022, trừ xuất khẩu cá ngừ các loại và bạch tuộc các loại giảm.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Úc giảm do lạm phát và lãi suất cao tác động đến nhu cầu của người tiêu dùng. Tuy nhiên, trong dài hạn đây vẫn là thị trường nhiều tiềm năng đối với ngành thủy sản Việt Nam bởi nhu cầu tiêu thụ thủy sản của thị trường này có xu hướng tăng. Theo báo cáo Thống kê Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản Úc năm 2021 của Tổ chức Công nghiệp Thủy sản Úc, trong năm tài chính 2020 – 21, người tiêu dùng Úc đã tiêu thụ khoảng 356 nghìn tấn thủy sản, tương đương với 13,9 kg/người. Con số này tăng 1,5 kg/người so với năm tài chính 2019-20. Trong đó, 62% lượng thủy sản tiêu thụ tại Úc là từ nguồn nhập khẩu. Cá chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng lượng tiêu thụ thủy sản ở Úc. Cá ngừ, cá hồi là một số loại cá được tiêu thụ thường xuyên nhất. Trong nhóm động vật giáp xác tôm, tôm hùm và cua là những mặt hàng được tiêu thụ nhiều nhất.

### Mặt hàng thủy sản xuất khẩu tới thị trường Úc tháng 3 và 3 tháng năm 2023

Mặt hàng	Tháng 3/2023		So với tháng 3/2022 (%)		Quý I/2023		So với quý I/2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>	<b>3.482</b>	<b>26.126</b>	<b>-21,1</b>	<b>-29,3</b>	<b>8.692</b>	<b>64.571</b>	<b>-27,1</b>	<b>-30,3</b>
Tôm các loại	1.784	19.184	-31,4	-32,3	4.597	47.683	-27,7	-31,5
Cá tra, basa	1.106	3.407	9,0	2,1	2.290	7.165	-32,4	-33,5
Cá đông lạnh	293	2.219	-20,9	-27,9	806	5.698	-11,2	-21,8
Mực các loại	43	304	195,9	242,7	89	602	-3,8	24,3
Cá ngừ các loại	67	256	-38,7	-57,4	196	964	2,6	1,8
Cá khô	21	166	4,1	156,4	31	230	-19,9	13,2
Chả cá	19	151	-64,7	-20,4	66	301	-13,8	4,4
Ốc các loại	15	82	28,9	42,8	17	88	-34,6	-25,7
Cá đóng hộp	44	74	-67,4	-91,3	410	1.095	-18,3	-37,7
Nghêu các loại	29	62			36	80	-10,3	-7,6
Bạch tuộc các loại	10	60	670,1	388,6	30	219	163,7	89,2
Mắm	22	59	-41,7	-36,0	60	194	-36,7	-28,3
Thủy sản khác	30	104	-27,9	-55,4	65	252	-66,8	-64,8

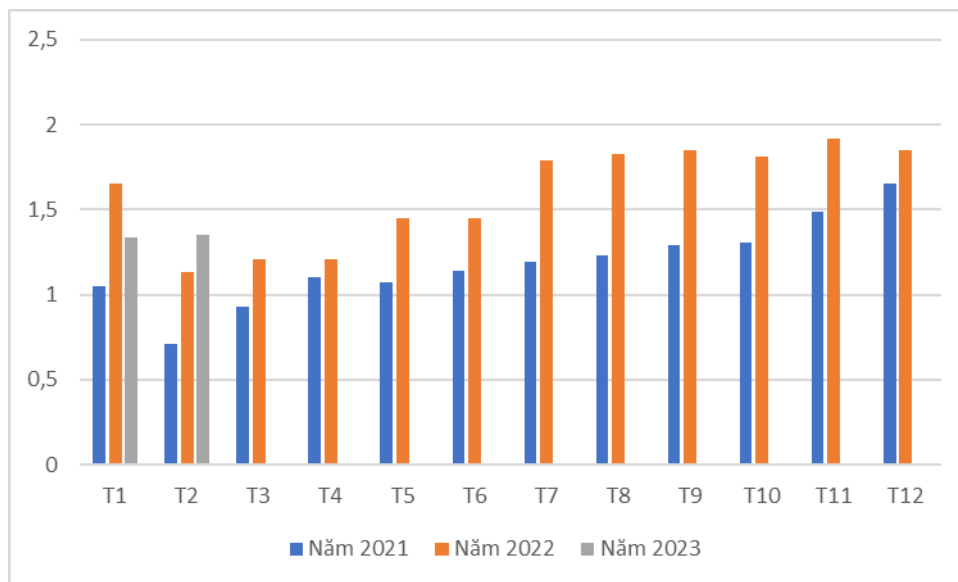
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA TRUNG QUỐC TRONG 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo thống kê của cơ quan Hải quan Trung Quốc, 2 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc đạt 2,686 tỷ USD, giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2022.

### Nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc năm 2021 – 2023

(ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trong 2 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc giảm nhập khẩu thủy sản từ hầu hết các thị trường cung cấp lớn như Ê-cu-a-đo, Nga, Ca-na-đa, trong khi tăng nhập khẩu từ Hoa Kỳ, Ấn Độ và Na Uy.

Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 8 cho Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2023 với 91,77 triệu USD, giảm 45% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 6% trong 2 tháng đầu năm 2022 xuống còn 3,4% trong 2 tháng đầu năm 2023. Nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc từ Việt Nam giảm mạnh khi nước này đẩy mạnh nhập khẩu tôm từ thị trường Ấn Độ với mức giá cạnh tranh hơn.

### Thị trường cung cấp thủy sản cho Trung Quốc 2 tháng năm 2023

Thị trường	2 tháng đầu năm 2023 (Nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
			2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>2.686.171</b>	<b>-3,4</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ê-cu-a-đo	502.922	-3,6	18,7	18,8
Nga	367.944	-2,3	13,7	13,5
Ca-na-đa	234.024	-6,7	8,7	9,0
Mỹ	184.010	5,0	6,9	6,3
Ấn Độ	179.388	21,0	6,7	5,3
Na Uy	149.014	15,3	5,6	4,6
In-đô-nê-xi-a	120.705	-13,3	4,5	5,0
Việt Nam	91.771	-45,0	3,4	6,0
Grôn-len	70.831	4,9	2,6	2,4
Niu Dilan	66.242	-20,9	2,5	3,0
Thị trường khác	719.320	-0,30	26,8	25,9

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

# THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Sản xuất đồ nội thất ở Ba Lan đã tăng gần gấp đôi trong 10 năm qua. Sự tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi xuất khẩu. Hoa Kỳ là một trong 10 điểm đến hàng đầu cho đồ nội thất xuất khẩu của Ba Lan. Các nhà sản xuất Ba Lan đã tăng khả năng cạnh tranh tại thị trường Hoa Kỳ, đặc biệt là trong một số phân khúc đồ nội thất nhất định, như đồ nội thất bọc da.
- ▶ Đức là quốc gia đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực đồ nội thất trên thế giới, đứng thứ 4 về sản xuất đồ nội thất, thứ 5 về xuất khẩu, thứ 2 về nhập khẩu và thứ 3 về tiêu dùng.
- ▶ Trong quý I/2023, trị giá xuất khẩu mặt hàng ghế khung gỗ ước đạt 605 triệu USD, giảm 34,8% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tăng trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ.

## THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

**Ba Lan:** Theo Trung tâm nghiên cứu Công nghiệp I-ta-li-a (CSIL), Ba Lan là một quốc gia sản xuất đồ nội thất lớn và đang phát triển nhanh, đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp châu Âu, tự hào với truyền thống sản xuất lâu đời.

Lực lượng lao động của ngành nội thất Ba Lan bao gồm khoảng 197.000 người làm việc trong hơn 21.000 công ty.

Ngành nội thất ở Ba Lan là một ngành phân tán, chủ yếu các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngành này cũng bao gồm các công ty vừa và lớn đã tăng doanh thu với tỷ suất lợi nhuận tốt trong những năm gần đây.

Ngành nội thất của Ba Lan chiếm một vị trí quan trọng ở châu Âu và toàn cầu. Theo CSIL, Ba Lan đứng thứ 3 ở châu Âu và thứ 7 trên thế giới về sản xuất đồ nội thất; về xuất khẩu đồ nội thất, Ba Lan đứng đầu ở châu Âu và thứ 3 trên thế giới.

Sản xuất đồ nội thất ở Ba Lan đã tăng gần gấp đôi trong 10 năm qua. Sự tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi xuất khẩu.

Lĩnh vực đồ nội thất của Ba Lan rất cạnh tranh ở các thị trường ngoài khối và nội khối Châu Âu.

Hoa Kỳ là một trong 10 điểm đến hàng



đầu cho đồ nội thất xuất khẩu của Ba Lan. Các nhà sản xuất Ba Lan đã tăng khả năng cạnh tranh tại thị trường Hoa Kỳ, đặc biệt là trong một số phân khúc đồ nội thất nhất định, chẳng hạn như đồ nội thất bọc da. Đồ nội thất của Ba Lan được hưởng lợi từ chi phí logistics tương đối thấp (thời gian giao hàng, chi phí vận chuyển) so với các đối thủ châu Á.

**Đức:** Theo Trung tâm nghiên cứu Công nghiệp I-ta-li-a (CSIL), Đức là quốc gia đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực đồ nội thất trên thế giới. Theo đó, Đức đứng thứ 4 về sản xuất đồ nội thất, thứ 5 về xuất khẩu, thứ 2 về nhập khẩu và thứ 3 về tiêu dùng.

Ngành công nghiệp đồ nội thất của Đức bao gồm khoảng 10.000 công ty sản xuất đồ nội thất với lực lượng lao động gần 150.000 người. Mặc dù chủ yếu do các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm ưu

thế, nhưng hệ thống sản xuất của Đức có những công ty lớn và có tỷ lệ nhân viên cao nhất so với các quốc gia khác trong khu vực.

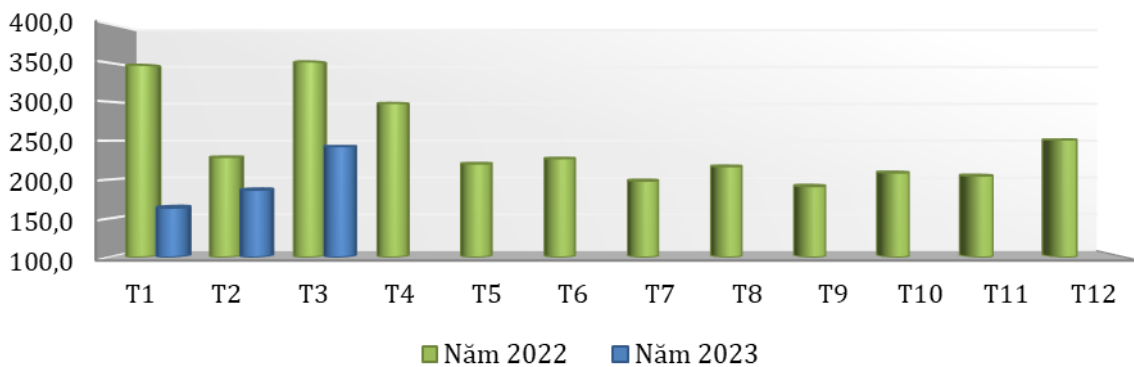
## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU MẶT HÀNG GHẾ KHUNG GỖ

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu ghế khung gỗ trong tháng 3/2023 đạt 242,9 triệu USD, giảm 30,9% so với tháng 3/2022. Trong quý

I/2023, trị giá xuất khẩu ghế khung gỗ đạt 593,3 triệu USD, giảm 36,1% so với cùng kỳ năm 2022.

### Xuất khẩu ghế khung gỗ của Việt Nam năm 2022 – 2023

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 3 tháng đầu năm 2023, mặt hàng ghế khung gỗ xuất khẩu tới các thị trường chính đều có trị giá giảm mạnh. Trị giá xuất khẩu ghế khung gỗ tới các thị trường giảm mạnh là do chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát và nguy cơ suy thoái kinh tế tại nhiều quốc gia châu Âu, Hoa Kỳ, cũng như toàn cầu khiến cầu tiêu dùng và đầu tư (đặc biệt là đầu tư lĩnh vực bất động sản trên toàn cầu) giảm mạnh.

Trong cơ cấu thị trường xuất khẩu, trị giá xuất khẩu ghế khung gỗ tới thị trường Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 461,7 triệu USD, giảm 38,2% so với cùng kỳ năm 2022. Tình trạng lạm phát tại thị trường Hoa Kỳ mặc dù có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao, do đó thời gian tới sức mua vẫn hồi phục chậm và xuất khẩu ghế khung gỗ tới Hoa Kỳ vẫn sẽ khó khăn do thiếu hụt đơn hàng. Tiếp theo, mặt hàng ghế khung gỗ xuất khẩu tới thị trường Nhật Bản trong 3 tháng đầu năm 2023 đạt 25,8 triệu USD, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2022; tới Hàn Quốc đạt 15,8 triệu USD, giảm 19,8%; tới Ca-na-đa đạt 10,9 triệu USD, giảm 37,5%...



Kinh tế toàn cầu vẫn đang ở giai đoạn khó khăn, phục hồi chậm, nhu cầu tiêu thụ giảm, dẫn tới việc xuất khẩu hàng hoá nói chung và mặt hàng ghế khung gỗ nói riêng của Việt Nam vẫn còn có nhiều khó khăn trong thời gian tới.



## Mặt hàng ghế khung gỗ xuất khẩu tới các thị trường chính trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 3/2023 (nghìn USD)	So với tháng 3/2022 (%)	3 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3 tháng năm 2023	3 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>242.891</b>	<b>-30,9</b>	<b>593.315</b>	<b>-36,1</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Hoa Kỳ	190.768	-32,9	461.718	-38,2	77,8	80,5
Nhật Bản	10.953	-9,6	25.844	-14,6	4,4	3,3
Hàn Quốc	6.595	-8,5	15.811	-19,8	2,7	2,1
Ca-na-đa	4.704	-16,8	10.938	-37,5	1,8	1,9
Đức	3.346	-38,8	8.378	-47,8	1,4	1,7
Anh	3.649	-24,8	8.169	-39,7	1,4	1,5
Pháp	1.454	-47,8	5.686	-20,5	1,0	0,8
Úc	2.231	-11,0	5.369	-28,0	0,9	0,8
Đan Mạch	1.328	-64,1	4.479	-50,2	0,8	1,0
Hà Lan	1.419	-58,2	4.024	-52,2	0,7	0,9
Thị trường khác	16.444	-17,1	42.897	-18,0	7,2	5,6

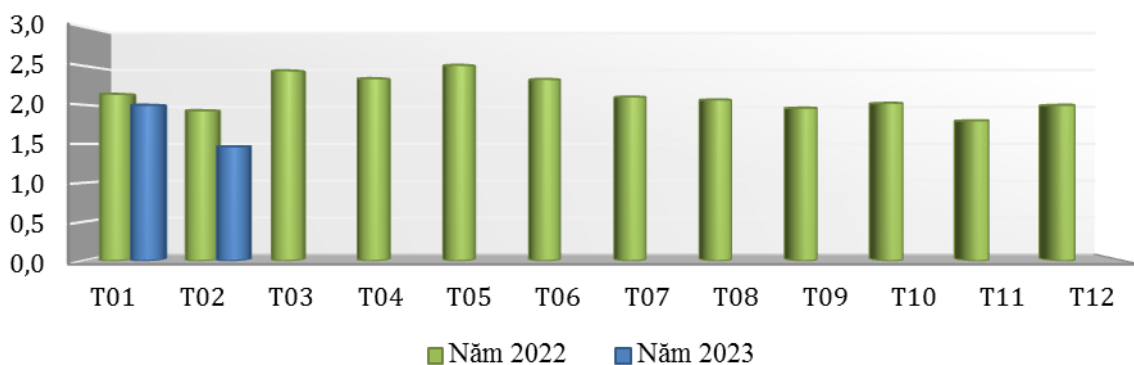
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA HOA KỲ VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Ủy ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC), trong tháng 2/2023 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đạt 1,5 tỷ USD, giảm 24,1% so

với tháng 2/2022. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đạt 3,3 tỷ USD, giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2022.

### Nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ năm 2022 – 2023 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Ủy ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ

Hoa Kỳ nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ nhiều nhất từ thị trường Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2023, đạt 1,2 tỷ USD, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 37,1% tổng trị giá nhập khẩu, tăng 5,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2022.

Tiếp theo là nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc đạt 533,3 triệu USD, giảm 45,6% so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ trọng nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm 16,3% tổng trị giá nhập khẩu, giảm 7,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2022.

Đáng chú ý, việc Trung Quốc mở cửa trở lại nền kinh tế sẽ khiến ngành công nghiệp đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam gặp

nhều thách thức, áp lực cạnh tranh xuất khẩu tới thị trường Hoa Kỳ sẽ tăng cao.

### Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Hoa Kỳ 2 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 2/2023 (nghìn USD)	So với tháng 2/2022 (%)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>1.466.750</b>	<b>-24,1</b>	<b>3.281.273</b>	<b>-20,4</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Việt Nam	535.720	-14,4	1.215.866	-7,3	37,1	31,8
Trung Quốc	235.826	-47,5	533.280	-45,6	16,3	23,8
Mê-hi-cô	145.923	-12,7	301.951	-10,4	9,2	8,2
Ca-na-đa	134.720	12,1	268.159	9,8	8,2	5,9
Ma-lai-xi-a	75.673	-37,6	173.957	-36,2	5,3	6,6
In-đô-nê-xi-a	69.619	-17,4	161.912	-13,5	4,9	4,5
I-ta-li-a	52.831	-33,6	139.498	-14,7	4,3	4,0
Ấn Độ	31.741	-31,5	71.439	-22,2	2,2	2,2
Thái Lan	25.805	-26,9	63.085	-20,9	1,9	1,9
Căm-pu-chia	21.239	-15,8	43.735	-18,9	1,3	1,3
Thị trường khác	137.653	-23,1	308.391	-23,0	9,4	9,7

Nguồn: Ủy ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ

### Mặt hàng nhập khẩu

Hoa Kỳ giảm mạnh nhập khẩu các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ trong 2 tháng đầu năm 2023. Trong đó, ghế khung gỗ và đồ nội thất phòng khách và phòng ăn là 2 mặt hàng chính Hoa Kỳ nhập khẩu. Việt Nam là thị trường cung cấp chính 2 mặt

hàng này tới Hoa Kỳ; nhập khẩu ghế khung gỗ của Hoa Kỳ từ Việt Nam đạt 403,7 triệu USD, giảm 17,8% so với cùng năm 2022, chiếm 35,5% tổng trị giá nhập khẩu ghế khung gỗ; tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn nhập khẩu từ Việt Nam đạt 376,7 triệu USD, giảm 0,1%, chiếm 36,4%...

### Chủng loại đồ nội thất bằng gỗ nhập khẩu của Hoa Kỳ t2 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng (mã HS)	Tháng 2/2023 (nghìn USD)	So với tháng 2/2022 (%)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>1.466.750</b>	<b>-24,1</b>	<b>3.281.273</b>	<b>-20,4</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ghế khung gỗ (HS 940161 + 940169)	515.493	-30,7	1.137.144	-30,3	34,7	39,6
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (HS 940360)	462.904	-20,7	1.034.683	-15,2	31,5	29,6
Đồ nội thất phòng ngủ (HS 940350)	240.775	-28,5	566.459	-19,7	17,3	17,1
Đồ nội thất nhà bếp (HS 940340)	188.470	-8,2	418.541	-4,1	12,8	10,6
Đồ nội thất văn phòng (HS 940330)	59.107	-8,6	124.447	-4,8	3,8	3,2

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

## ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU DỪA TƯƠI NGUYÊN VỎ VÀO ÚC

Trước khi tới lãnh thổ Úc, dừa tươi còn vỏ phải được xử lý bằng methyl bromide ngoài khơi với tỷ lệ 32g/m<sup>3</sup> trong vòng 24 giờ ở nhiệt độ 21°C ở áp suất khí quyển bình thường (NAP).

Lưu ý các trường hợp xử lý methyl bromide ngoài khơi chỉ được chấp nhận khi do các nhà cung cấp dịch vụ đã được Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc (sau đây viết tắt là Bộ Nông nghiệp Úc) phê duyệt.

Danh sách các nhà cung cấp dịch vụ xử lý methyl bromide có trên website của Bộ Nông nghiệp Úc (Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt cập nhật trong Nam Phụ lục 1)

### **Đối với dừa tươi nguyên vỏ chưa qua xử lý methyl bromide ngoài khơi**

a. Điều kiện nhập khẩu sau được áp dụng đối với dừa tươi nguyên vỏ dùng cho con người (Coconut – Cocos nucifera)

#### **Điều kiện nhập khẩu trước khi vào lãnh thổ Úc**

b. Không cần phải có giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp Úc.

c. Trước khi xuất khẩu, dừa tươi hoặc sản phẩm dừa tươi phải được Cục Bảo vệ thực vật – Bộ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn của Việt Nam kiểm tra và cấp giấy chứng nhận không có sâu bệnh an toàn sinh học.

Để chứng minh sự tuân thủ theo yêu cầu này, trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải ghi rõ: *"This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party, including those for regulated non-quarantine pests."*

Tạm dịch: "Xác nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các vật thể thuộc diện quản lý khác được mô tả trong tài liệu này đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo các quy trình chính thức phù hợp và được coi là không nhiễm các loài gây hại kiểm dịch do bên nhập khẩu xác nhận rõ và tuân thủ các yêu cầu kiểm dịch thực vật hiện hành, bao gồm cả những yêu cầu đối với dịch hại không thuộc diện kiểm dịch".

d. Mỗi lô hàng phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đi kèm.

#### **Thông tin chú ý**

Các lô hàng có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhưng không chính xác hoặc trong trường hợp Bộ Nông nghiệp Úc không thấy giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật gốc, lô hàng sẽ bị giữ lại để chờ xuất trình giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật gốc có đầy đủ thông tin chính xác. Bộ Nông nghiệp Úc sẽ chấp nhận các giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được sửa hoặc cấp lại một cách phù hợp (bao gồm các bản fax hoặc bản scan được gửi trực tiếp đến từ cơ quan cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật).

e. Hàng hóa phải sạch và không có dịch bệnh và côn trùng, không có tạp chất bao gồm hạt, đất, động vật và mảnh vụn động vật và các vật liệu có rủi ro về an toàn sinh học trước khi vào lãnh thổ Úc.

f. Lô hàng phải được đóng gói theo cách cho phép khử trùng hiệu quả. Trong quá

trình kiểm tra, các nhân viên an toàn sinh học sẽ xác minh rằng bao bì phù hợp trước khi áp dụng bất kỳ biện pháp xử lý nào.

g. Mỗi lô hàng phải được đóng gói trong bao bì sạch và mới

h. Mỗi lô hàng phải được đảm bảo (nghĩa là phải chống côn trùng) trước khi được vận chuyển để đảm bảo tính toàn vẹn của kiểm dịch khi đến và sử dụng quy cách đóng gói an toàn.

### Các điều kiện nhập khẩu khi vào lãnh thổ Úc

i. Tất cả các lô hàng đều phải được kiểm tra khi đến nơi để xác minh việc tuân thủ các điều kiện nhập khẩu trước khi thông quan.

j. Sản phẩm cần được khử trùng bằng methyl bromide với nồng độ 32 g/m<sup>3</sup> trong vòng 24 giờ ở nhiệt độ 21°C để đảm bảo dứa không có động vật chân đốt sống gây hại.

#### Thông tin chú ý:

Trái dứa khi còn một lớp vỏ hình nón không phải xử lý bằng methyl bromide trong vòng 24 giờ. Trái dứa loại này cũng được kiểm tra giống như dứa tươi.

Nếu tỷ lệ liều lượng yêu cầu ở 21°C là 32g/m<sup>3</sup> trong khoảng thời gian 24 giờ, thì tỷ lệ liều lượng bù:

(1) giữa 16°C và 20,9°C là 40g/m<sup>3</sup>

(2) giữa 11°C và 15,9°C là 48g/m<sup>3</sup>

(3) giữa 10°C và 10,9°C là 56g/m<sup>3</sup>.

Bộ Nông nghiệp Úc không cho phép bù liều khi nhiệt độ xung quanh trên 21°C hoặc dưới 10°C, trừ khi có quy định khác.

k. Dứa phải không còn cuống thừa và tạp chất (bao gồm cả lá, hạt cỏ dại, đất hoặc các vật liệu bên ngoài khác).

l. Nếu phát hiện thấy côn trùng sống có liên quan đến an toàn sinh học, lô hàng sẽ phải yêu cầu xử lý (nếu thích hợp), hoặc được tái xuất khẩu khỏi lãnh thổ Úc hoặc tiêu hủy. Bất kỳ chi phí phát sinh nào cho việc này sẽ do nhà nhập khẩu chi trả.

m. Nếu phát hiện các triệu chứng bệnh, lô hàng sẽ bị tạm giữ và Bộ Nông nghiệp Úc sẽ tiến hành đánh giá rủi ro an toàn sinh học để xác định cách xử lý đã có sẵn cho nhà nhập khẩu. Các lựa chọn có thể bao gồm giải phóng, kiểm tra thêm, xử lý, xuất khẩu khỏi lãnh thổ Úc hoặc tiêu hủy.

Việc kiểm tra thêm có thể không dẫn đến việc giải phóng hàng hóa và có thể làm phát sinh thêm chi phí đáng kể và thời gian chậm trễ cho nhà nhập khẩu. Việc kiểm tra thêm sẽ chỉ được cung cấp nếu nó được cho là khả thi và nhà nhập khẩu đồng ý bằng văn bản chấp nhận mọi chi phí và rủi ro liên quan.

n. Nếu phát hiện có chất gây ô nhiễm (ví dụ: hạt, rác, đất, lông vũ) và xác định là có liên quan đến an toàn sinh học, lô hàng đó sẽ yêu cầu thực hiện biện pháp khắc phục để loại bỏ hoặc xử lý chất gây ô nhiễm và sẽ yêu cầu kiểm tra lại. Nếu các chất gây ô nhiễm không thể được loại bỏ hoặc xử lý một cách không hiệu quả, lô hàng phải được tái xuất khẩu khỏi lãnh thổ Úc hoặc tiêu hủy. Bất kỳ chi phí phát sinh nào cho việc này sẽ do nhà nhập khẩu chi trả.

o. Không được phép vận chuyển bắc cầu đối với các lô hàng được kiểm soát an toàn sinh học nếu không có sự cho phép của Bộ Nông nghiệp Úc. Cho phép vận chuyển lô hàng bằng đường hàng không và đường biển để kiểm tra tại cảng đích.



## Thông tin bổ sung:

p. Theo Quy định áp dụng về phí an toàn sinh học 2016 và Chương 9, Phần 2 của Quy định an ninh sinh học 2016, thì lệ phí của các dịch vụ được trả cho Bộ Nông nghiệp Úc. Chi tiết về cách tính phí có trên trang của Bộ Nông nghiệp Úc.

q. Thông tin bổ sung vào điều kiện nhập khẩu hàng hóa, các yếu tố không phải là hàng hóa cũng phải được đánh giá bao gồm độ sạch của thùng chứa, bao gói và khu vực để hàng, các yếu tố này có thể sẽ bị kiểm tra và phải xử lý khi tới Úc.

r. Một khi yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng, các nhà nhập khẩu có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả thực phẩm nhập khẩu tuân thủ theo Đạo luật kiểm soát nhập khẩu thực phẩm năm 1992 và đảm bảo thực phẩm nhập khẩu là an toàn và phù hợp với tiêu chuẩn của Úc bao gồm Bộ luật tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - New Zealand. Các lô hàng có thể bị kiểm tra và phân tích theo Chương trình kiểm tra thực phẩm nhập khẩu để xác minh tính an toàn và tuân thủ này.

### Phụ lục 1: Danh sách các nhà cung cấp dịch vụ xử lý methyl dromide tại Việt Nam

AFAS REGISTRATION NUMBER	COMPANY NAME	CONTACT DETAILS	SERVICE AREA	STATUS	AEI NUMBER
AFASVN 001	Viet Nam Fumigation Company - VFC - (Ho Chi Minh City Branch)	37 Nguyen Trung Ngan Street, District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam Phone: +84 283 8225 069 Fax: +84 283 8299 517 Email: Tu.huynhngoc@vfc.com.vn / trong.daoxuan@vfc.com.vn	Ho Chi Minh City, Dong Nai	Acceptable	VN0001MB
AFASVN 002	Termite Control and Fumigation Company	31 b Hai Trieu - District 1 Ho Chi Minh City - Viet Nam. Phone: +84.8.38210245/ 84.8.38223926/ 84.8.38212216 Fax: +84.8.30212011 Email: tcfcm@hcm.fpt.vn	Ho Chi Minh City	Acceptable	VN0002MB
AFASVN 003	Cafecontrol	<b>New address:</b> 228A Pasteur Str., Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam Phone: +84.28.3820.7552 Email: cafecontrol@hcm.fpt.vn <b>Old address:</b> 228A - Pasteur St., District 3 Ho Chi Minh City - Viet Nam Phone: +84.8.38207553 Email: cafecontrol@hcm.fpt.vn	Ho Chi Minh City	Acceptable	VN0003MB

AFAS REGISTRATION NUMBER	COMPANY NAME	CONTACT DETAILS	SERVICE AREA	STATUS	AEI NUMBER
AFASVN 004	Nam Viet Fumigation Joint Stock Company	<p><b>New Address:</b> 157/34 Nguyen Gia Tri Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: 0084 28 3512 7347 ; Fax: 00 84 28 3512 7348 email. info@namvietfumigation.com Web: www.namvietfumigation.com</p> <p><b>Old Address:</b> 21B/Bis, Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City - Viet Nam Phone: +84.8.35127347 Fax: +84.8.35127348 Email: info@namvietfumigation.com</p>	Ho Chi Minh City	Acceptable	VN0004MB
AFASVN 005	Termite Control and Fumigation Company - Hai Phong Branch	<p>32/52 Tran Hung Dao St, Dong Hai Ward, Hai An District, Hai Phong - Viet Nam Phone: +84.31.3629674 Fax: +84.31.629612 Email: tcfcvn@gmail.com</p>	Hai Phong	Acceptable	VN0005MB
AFASVN 006	Viet Nam Fumigation Company - North Branch	<p>147 Ho Duc Di - Dong Da Dist Ha Noi - Viet Nam Phone: +84.24.38573272 Fax: +84.24.38515951 Email: khutrungpb@vfc.com.vn / quan.nguyenhuu@vfc.com.vn</p>	North of Viet Nam (from Ha Tinh to North)	Acceptable	VN0006MB
AFASVN 007	Davicontrol	<p>115 Vo Van Tan Str., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City. Viet Nam Phone: +84.8.3930.3234-35 Fax: +84.8.3930.3237 Email: fumigation@davicontrol.com.vn / dvc@davicontrol.com.vn</p>	Ho Chi Minh City	Acceptable	VN0007MB
AFASVN 008	Viet Nam Fumigation Company - Hai Phong	<p><b>New Address:</b> 76 Nguyen Binh Khiem St. - Ngo Quyen Dist. - Hai Phong - Viet Nam Phone: +84 225 3838 081 Fax: +84 225 3839 154 Email: cong.ngodinh@vfc.com.vn / thin.phamvan@vfc.com.vn</p> <p><b>Old Address:</b> 3A Pham Hong Thai St., Hong Bang Dist, Hai Phong - Viet Nam Phone: +84 313838081 Fax: +84 313839154 Email: de.dotrong@vfc.com.vn</p>	Hai Phong, Quang Ninh	Acceptable	VN0008MB

AFAS REGISTRATION NUMBER	COMPANY NAME	CONTACT DETAILS	SERVICE AREA	STATUS	AEI NUMBER
AFASVN 009	Viet Nam Fumigation Company – Quy Nhon	263 Tran Hung Dao St., Quy Nhon, Binh Dinh – Viet Nam Phone: +84 2563 823 687 Fax: +84 2563 827 033 Email: phong.trandong@vfc.com.vn_vfcqn@vfc.com.vn	Quy Nhon (Binh Dinh)	Acceptable	VN0009MB
AFASVN 010	FCC	No. 45 Dinh Tien Hoang St., Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City Viet Nam Phone: +84 83 39100984 / +84 83 223183 Fax: +84 83 290202 Email: fcc@fpt.com.vn fu@fcc.com.vn	Ho Chi Minh City	Acceptable	VN0010MB
AFASVN 011	Viet Nam Fumigation Company – Nha Trang	87A Nguyen Thi Minh Khai St., Nha Trang, Khanh Hoa, Viet Nam Phone: +84 583515115 Fax: +84 3516460 Email: tien.lehuy@vfc.com.vn	Ninh Thuan, Khanh Hoa, Phu Yen	Withdrawn	VN0011MB
AFASVN 012	Viet Nam Fumigation Company – Binh Duong	No, 5/2, 1 b Hamlet, An Phu Ward, Thuan An Dist, Binh Duong – Viet Nam Phone: +84. 274 3714 627 Email: hung.hoduy@vfc.com.vn / nam.buithe@vfc.com.vn	Binh Duong	Acceptable	VN0012MB
AFASVN 013	SGS	<b>New address:</b> No. 198, Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City – Viet Nam Phone: +84 8 39351920 Fax: +84 6503714622 Email: minh.thai@sgs.com le.thao@sgs.com <b>Old address:</b> No. 119 – 121, Vo Van Tan St., Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City – Viet Nam Phone: +84 8 39351920 Fax: +84 6503714622 Email: minh.thai@sgs.com le.thao@sgs.com	Ho Chi Minh City	Acceptable	VN0013MB

AFAS REGISTRATION NUMBER	COMPANY NAME	CONTACT DETAILS	SERVICE AREA	STATUS	AEI NUMBER
AFASVN 014	Viet Nam Fumigation Company – Da Nang	No. 292 – 2/9 Street, Hoa Cuong Bac Ward, Hai Chau Dist., Da Nang – Viet Nam Phone: +84 236 3621 741 Fax: +84 236 3621 742 Email: nhan.lethanh@vfc.com.vn	Quang Binh, Hue, Da Nang, Quang Nam, Quang Ngai	Acceptable	VN0014MB
AFASVN 015	Vinacontrol	No. 80 Ba Huyen Thanh Quan St. District 3, Ho Chi Minh City – Viet Nam Phone: +84 839316323 / +84 838438624 Fax: +84 839316961 / +84 83437861 Email: gd_hcm@vinacontrol.com.vn th_hcm@vinacontrol.com.vn	Ho Chi Minh City	Acceptable	VN0015MB
AFASVN 016	<b>New Name:</b> Vietnam Fumigation Company “The South Of Hau River Branch”  <b>Old Name:</b> Viet Nam Fumigation Company - Can Tho	<b>New Address:</b> Lot 30A3-3, Tra Noc 1 Industrial Zone, 91 Highway, Binh Thuy Dist., Can Tho City Phone: (84-292) 3843 857 Fax: (84-292) 3828 763 <b>Old Address:</b> Lot 30A3-3, Tra Noc 1 Industrial Zone 91 Highway, Binh Thuy Dist Can Tho City Phone: +84 2923 843 857 Fax: +84 2923 828 763 Email: thuc.hoangxuan@vfc.com.vn	Can Tho	Acceptable	VN0016MB
AFASVN 017	Viet Nam Control Inspection Fumigation Joint Stock Company	<b>New Address:</b> 94 Nguyen Cuu Van, 17 Ward, Binh Thanh Dist, Ho Chi Minh City. Phone: +84 8 39117095 Fax: +84 8 39117096 Web: www.vietnamcontrol.com.vn Email: fumi@vietnamcontrol.com.vn <b>Old Address:</b> Ground Floor, Vietnam Control Building, 2/3A Nguyen Thi Minh Khai Str. District 1, Ho Chi Minh City Phone: +84 8 39117095 Fax: +84 8 39117096 Web: www.vietnamcontrol.com.vn Email: fumi@vietnamcontrol.com.vn	Ho Chi Minh City	Acceptable	VN0017MB



AFAS REGISTRATION NUMBER	COMPANY NAME	CONTACT DETAILS	SERVICE AREA	STATUS	AEI NUMBER
AFASVN 018	Davicontrol, HCMC Branch	8 Nguyen Van Linh, Tan Thanh, Phu My Ba Ria – Vung Tau. Phone: (064) 3923778 Fax: (064) 3853572 Email: fm@davicontrol.com.vn	D o n g Nai, Binh Durong, Ba Ria - Vung Tau	Acceptable	VN0018MB
AFASVN 019	Viet Nam Control Phu My Branch	315/2/3 Le Van Thinh Street, Cat Lai Ward, District 02, Ho Chi Minh City, VietNam Phone: 0918148833 Email: phumy@vietnamcontrol.com	Dong Nai, Binh Duong, Ba Ria - Vung Tau	Acceptable	VN0019MB
AFASVN 020	Viet Nam Control South Branch	50/11/11/3 Tây Thanh Street, Tây Thạnh Ward, Tân Phú Dist, Ho Chi Minh City	Long An, Can Tho	Acceptable	VN0020MB
AFASVN 021	V i e t n a m Fumigation – Termite Control Jsc., (VFT)	No. 4/193, Van Cao St., Ngo Quyen, Hai Phong Phone: 0084 313 730 066 Fax: 0084 313 730 423 Email. vftchp@gmail.com	Hai Phong, Hai Duong, Hung Yen, Quang Ninh, Ha Noi	Acceptable	VN0021MB
AFASVN 022	Viet Nam Control Central Branch	<b>New address:</b> 18 Phạm Ngũ Lão Street, Ly Thuong Kiet, Quy Nhon City, Binh Dinh Province Phone: (84)-056-3818289 Email: <a href="mailto:central@vietnamcontrol.com">central@vietnamcontrol.com</a> / <a href="mailto:minhnh@vietnamcontrol.com.vn">minhnh@vietnamcontrol.com.vn</a> <b>Old address:</b> No. 5, Pham Hung St, Ly Thuong Kiet ward, Quy Nhon, Binh Dinh	Khanh Hoa, Phu Yen, Binh Dinh, Quang Ngai, Da Nang	Acceptable	VN0022MB
AFASVN 023	FCC Quy Nhon Branch	No. 33-35, Hoang Quoc Viet St, Quy Nhon City, Binh Đinh Province. Phone: + 84 56 3815810/ 3811719  Email: fccquynhon@fcc.com.vn.	Binh Dinh, Phu Yen, Khanh Hoa, Quang Ngai, Gia Lai, Kontum,	Acceptable	VN0023MB
AFASVN 024	FCC DaNang Branch	19/25 Quang Trung st., Thach Thang ward, Hai Chau dist., Da Nang city, Vietnam  Phone: 84 511 3745 116 Fax: 84 511 3745 117	Da Nang; Quang Nam; Thua Thien Hue; Quang Tri; Quang Binh; Ha Tinh; Nghe An.	Acceptable	VN0024MB
AFASVN 025	V i n a C r o p Science Jsc.,	3/6A Nguyen Van Thu - Da Kao ward– Distric 1 - Ho Chi Minh City  Email: info@vincrop.com  Phone: 0084 8 39101985 Fax: 0084 8 39106042	Ho Chi Minh City	Acceptable	VN0025MB

AFAS REGISTRATION NUMBER	COMPANY NAME	CONTACT DETAILS	SERVICE AREA	STATUS	AEI NUMBER
AFASVN 026	Viet Nam Control Da Nang Branch	343 Ngo Quyen, An Hai Bac Ward, Son Tra Dist, Da Nang City, Vietnam Fax: (0511)3937 942 Email: info.danang@vietnamcontrol.com.vn	Hue, Da N a n g , Quang Nam,	Acceptable	VN0026MB
AFASVN 027	Davicontrol Da Nang Branch	40 Le Thuoc st., Phuc My ward, Son Tra Dist, Danang City, Vietnam Phone: +84 5113 943282 Fax: +84 5113 943283 Cell: +84 972 297 399 Email: dvc-dn@davicontrol.com.vn	Hue, Da N a n g , Quang Nam, Quang Ngai, Binh Dinh	Acceptable	VN0027MB
AFASVN 028	Nam Viet Quy Nhon Branch	33 Phan Chu Trinh, Hai Cang ward, Quy Nhon city, Binh Dinh, Vietnam Phone: +84.97510.61.99 Email. Ltthuong.nfc@gmail.com	Da Nang, Quang Nam, Quang Ngai, Binh Dinh	Acceptable	VN0028MB
AFASVN 029	Davicontrol Hai Phong Branch	<b>New address:</b> Thanh Dat 1 Building, No.3 Le Thanh Tong, May To Ward, Ngo Quyen District, Hai Phong City, Vietnam Phone: +84 (0225) 3260.682 Fax: +84 (0225) 3260.683 Email: infofumihp@davicontrol.com.vn <b>Old address:</b> Lot 152 – Thanh Toan Apartment Building – An Dong Commune – An Duong District – Hai Phong – Vietnam Phone: +84 31 3260682 Fax: +84 31 3260683 Email: infofumihp@davicontrol.com.vn	Hanoi, Hai D u o n g , Hung Yen, Hai Phong, Quang Ninh	Acceptable	VN0029MB
AFASVN 030	Viet Nam Control Hai Phong Branch	Room 103, 441 Da Nang Str., An Hai Dist, Hai Phong City, Vietnam Phone : +84-0313556252 Email: info.haiphong@vietnamcontrol.com	Ha Noi, Hai P h o n g , Quang Ninh	Acceptable	VN0030MB
AFASVN 031	Viet Nam Control North Branch	No. 55/159 Phao Dai Lang, Lang Thuong Ward., Dong Da Dist, Ha Noi City, Vietnam Tel : 84-02432262272 Email: info.northbranch@vietnamcontrol.com	Hanoi, Hai p h o n g , Quang Ninh, Thanh Hoa	Acceptable	VN0031MB
AFASVN 032	Davicontrol C a n t h o Branch	78, Street 55, 50HA Area, Catlai Ward, District 02, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: (84.28) 3930 9404 Cell: (08) 902 665 068 email: dvc-ct@davicontrol.com.vn web: www.davicontrol.com.vn	Can Tho, Ben Tre, Long an	Acceptable	VN0032MB

AFAS REGISTRATION NUMBER	COMPANY NAME	CONTACT DETAILS	SERVICE AREA	STATUS	AEI NUMBER
AFASVN 033	International Termite Control & Fumigation ( H C M C Branch)	<p>HCMC Representative Office:            1/2/3 Linh Dong Road, Linh Dong Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City, Viet Nam            Head Office: No. 214/41, Mai Anh Dao st, Ward 8, Da Lat, Lam Dong Province            Phone: (+84) 28 66815107            Mobile: ( +84 ) 909.517.107            Email: khutrungquocte.hcm@gmail.com</p>	Ho Chi Minh city, Dong Nai, Binh Duong	Acceptable	VN0033MB
AFASVN 034	Ha Noi Termite Control and Fumigation Joint Stock Company (TCFC Hanoi)	<p>78 Cu Loc Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam            Head Office: No 44, 12 lane, Khuat Duy Tien Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam.            Phone: (+84) 35 690 353            Mobile: ( +84 ) 904 813 959            Email: tcfchanoi@gmail.com            Web: www.tcfchanoi.vn</p>	Ha Noi, Bac Giang, Bac Ninh, Hung Yen, Hai Duong	Acceptable	VN0034MB

**Lưu ý:**

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.